

Hướng dẫn sử dụng Fast Accounting Online

Kế toán vốn bằng tiền

Mục lục

1	Danh mục.....	3
1.1	Danh mục tài khoản ngân hàng.....	3
1.2	Danh mục khế ước	3
2	Cập nhật đầu kỳ	8
2.1	Vào sổ dư đầu kỳ khế ước.....	8
3	Chứng từ	9
3.1	Giấy báo có.....	9
3.1.1	Giải thích chi tiết các trường - loại chứng từ 2, 5 và 9	9
3.1.2	Màn hình nhập liệu giấy báo có của ngân hàng- loại chứng từ 1	12
3.1.3	Màn hình nhập liệu giấy báo có của ngân hàng- loại chứng từ 3	13
3.1.4	Phần thông tin thanh toán	15
3.1.5	Phần thông tin chứng từ gốc.....	15
3.1.6	Một số thao tác khi cập nhật chứng từ.....	15
3.2	Giấy báo nợ	17
3.2.1	Màn hình nhập liệu giấy báo nợ- loại chứng từ 2, 5 và 9.....	17
3.2.2	Màn hình nhập liệu giấy báo nợ- loại chứng từ 1.....	21
3.2.3	Màn hình nhập liệu giấy báo nợ- loại chứng từ 3.....	22
3.2.4	Phần thông tin Ủy nhiệm chi.....	23
3.2.5	Phần thông tin thanh toán	23
3.2.6	Một số thao tác khi cập nhật chứng từ.....	23
3.3	Phiếu thu tiền mặt.....	25
3.3.1	Màn hình nhập liệu phiếu thu- loại chứng từ 1.....	25
3.3.2	Màn hình nhập liệu phiếu thu- loại chứng từ 2, 5 và 9.....	27
3.3.3	Màn hình nhập liệu phiếu thu- loại chứng từ 3.....	30
3.3.4	Phần thông tin thanh toán	31
3.3.5	Phần thông tin chứng từ gốc.....	31
3.3.6	Một số thao tác khi cập nhật chứng từ.....	31
3.4	Phiếu chi tiền mặt	33
3.4.1	Màn hình nhập liệu phiếu chi - loại chứng từ 1	33
3.4.2	Màn hình nhập liệu phiếu chi- loại chứng từ 2	34
3.4.3	Màn hình nhập liệu phiếu chi- loại chứng từ 5	38
3.4.4	Màn hình nhập liệu phiếu chi- loại chứng từ 9	39
3.4.5	Màn hình nhập liệu phiếu chi- loại chứng từ 3	41
3.4.6	Phần thông tin thanh toán	42
3.4.7	Phần thông tin chứng từ gốc.....	42
3.4.8	Một số thao tác khi cập nhật chứng từ.....	42
4	Các xử lý định kỳ	44
4.1	Tính tỷ giá ghi sổ.....	44
4.2	Kết chuyển số dư khế ước sang năm sau	45
5	Các hướng dẫn khác.....	45

5.1	Xử lý hạch toán trùng liên quan tới tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.....	45
5.2	Chênh lệch tỷ giá liên quan tới tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	48

1 Danh mục

1.1 Danh mục tài khoản ngân hàng

Danh mục tài khoản ngân hàng dùng để lưu trữ các thông tin của các tài khoản ngân hàng mà doanh nghiệp đang giao dịch. Một số thông tin trong danh mục tài khoản ngân hàng như tài khoản ngân hàng, tên ngân hàng, tỉnh thành sẽ được dùng để in giấy báo nợ (UNC) từ chương trình.

Giải thích các trường trong danh mục ngân hàng

Sửa tài khoản ngân hàng	
Tài khoản	11221 Tiền gửi ngân hàng ACB
Tài khoản ngân hàng	012011 466266 1125
Tên ngân hàng	Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu
Tên khác	ACB
Tỉnh thành	Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	083 72835222
Số gửi bản sao (Fax)	083 72835255
Ghi chú	
Trạng thái	1 1 - Còn sử dụng, 0 - Không còn sử dụng

- **Tài khoản**

Tài khoản trong “Danh mục tài khoản”. Mỗi tài khoản trong danh mục chỉ được gán với một tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng.

- **Tài khoản ngân hàng**

Số tài khoản doanh nghiệp mở tại ngân hàng.

- **Tên ngân hàng / Tên khác**

Tên và tên tiếng Anh của ngân hàng. Tên của ngân hàng không được để trống.

- **Tỉnh thành**

Ngân hàng đang nằm tại tỉnh, thành phố nào.

- **Điện thoại/ Fax/ Ghi chú**

Số điện thoại, số fax và các ghi chú về tài khoản ngân hàng.

Chi tiết các thao tác làm việc với danh mục đề nghị xem thêm “Những hướng dẫn chung về cập nhật các danh mục”

1.2 Danh mục khế ước

Danh mục khế ước được lập khi có một hợp đồng tín dụng với ngân hàng hoặc một khoản vay giữa doanh nghiệp với các đối tượng khác. Để thực hiện được các báo cáo

khế ước, cần thực hiện khai báo các trường sử dụng trong danh mục chứng từ của các chứng từ có liên quan.

Giải thích các trường ngăn thông tin chính

Sửa khế ước				
Mã khế ước	KU001			
Tên khế ước	Khế ước đi vay Ngân hàng ACB - CN HCM			
Tên khác				
Loại khế ước	1 1 - Đi vay, 2 - Cho vay			
Thông tin chính		Thông tin lãi suất	Thông tin thanh toán	Khác
Ngày	01/01/2015	Số khế ước	KU001	
Theo dõi số dư	1 1 - Có, 0 - Không			
Mã nt	VND	Đồng Việt Nam 1	Lãi suất tối đa (%)	0.00
Tiền vay ngoại tệ	600 000 000.0		Tiền vay	600 000 000.0
Ngày vay	01/01/2015		Ngày đến hạn	31/12/2015
Chu kỳ thanh toán	180 ngày		Số lần thanh toán	2
Tài khoản vay	311-ACB	Vay ngắn hạn ACB		
Ngân hàng	ACB	Ngân hàng ACB - CN HCM		
Bộ phận thực hiện	BH	Bộ phận bán hàng		
Mã hợp đồng	HDBH001	Hợp đồng bán hàng 001		
Mã vụ việc	HTK001	Vụ việc HTK001		
		Lưu		Hủy

- **Mã khế ước**

Một mã khế ước sẽ được tính theo một lần giải ngân của ngân hàng.

- **Ngày khế ước/ Số khế ước**

Ngày lập khế ước với ngân hàng. Số của khế ước dùng để ghi số của những tài liệu liên quan mà khế ước được dùng để theo dõi. Thông thường, trường này được dùng chung với trường mã khế ước. Ngầm định trường "Số khế ước" = "Mã khế ước"

- **Loại khế ước**

Gồm 2 loại: "1 – Đi vay", "2 – Cho vay". Trường hợp điều kiện lọc chọn loại khế ước là "2 – Cho vay" thì thanh toán lấy bên phát sinh có, tiền vay lấy bên phát sinh nợ. Loại khế ước có trong màn hình lọc các báo cáo sau:

- Bảng kê chứng từ theo khế ước;
- Tổng hợp phát sinh theo khế ước;
- Bảng cân đối phát sinh theo khế ước;
- Bảng tổng hợp số dư khế ước đầu kỳ;
- Bảng tổng hợp số dư khế ước cuối kỳ;

- Bảng kê danh sách các khế ước vay;
- Bảng kê tính lãi chi tiết theo khế ước;
- Báo cáo chi tiết tình hình tiền vay;
- Báo cáo tổng hợp tình hình tiền vay;
- Báo cáo theo dõi thời gian thanh toán các khoản vay;
- Bảng kê tính lãi khế ước vay vượt mức quy định.
- **Theo dõi số dư**

Tùy chọn theo dõi số dư để chương trình chuyển số dư sang năm sau. Nếu khế ước không theo dõi số dư, số dư của khế ước sẽ không được chuyển sang năm sau và khi vào số dư đầu kỳ của khế ước cũng không nhập được số dư của các khế ước này.
- **Mã ngoại tệ**

Mã tiền tệ khi thực hiện khế ước
- **Tiền vay ngoại tệ**

Giá trị khế ước theo mã tiền tệ của khế ước.
- **Tiền vay**

Giá trị khế ước được quy đổi theo tiền hạch toán.
- **Ngày vay**

Ngày định lấy bằng “Ngày khế ước” nhưng được phép sửa.
- **Ngày đáo hạn**

Ngày đáo hạn của khế ước được sử dụng trong các bảng kê tính lãi của khế ước, lãi suất sau ngày đáo hạn sẽ là lãi suất quá hạn.
- **Lãi suất tối đa**

Lãi suất tối đa được dùng để tính toán trong “Bảng kê tính lãi của khế ước vượt mức quy định”. Đây là báo cáo tham khảo để tính chi phí hợp lý, hợp lệ khi quyết toán thuế TNDN.
- **Chu kỳ thanh toán**

Khoảng thời gian giữa các lần trả nợ của khế ước. Dùng để tính toán trong báo cáo “Báo cáo theo dõi thời gian thanh toán các khoản vay”.
- **Số lần thanh toán**

Số lần theo từng chu kỳ thanh toán
- **Tài khoản vay / Ngân hàng**

Tài khoản vay và ngân hàng cho vay. Trường “Ngân hàng” được tham chiếu trong danh mục khách hàng. Tài khoản vay phải là tài khoản chi tiết được lấy trong danh mục tài khoản.
- **Bộ phận thực hiện**

Mã bộ phận kinh doanh và mã bộ phận thực hiện khế ước. Trường “Bộ phận” được tham chiếu trong danh mục bộ phận, là thông tin tham khảo thêm.
- **Hợp đồng mua / Mã vụ việc**

Hợp đồng mua và Mã vụ việc sử dụng tiền vay trên báo cáo “Bảng kê các khế ước vay” và “Bảng kê tính lãi chi tiết theo khế ước”.

Giải thích các trường ngân thông tin lãi suất

Sửa kế ước

Mã kế ước: KU001

Tên kế ước: Khế ước đi vay Ngân hàng ACB - CN HCM

Tên khác: _____

Loại kế ước: 1 1 - Đi vay, 2 - Cho vay

Thông tin chính | **Thông tin lãi suất** | Thông tin thanh toán | Khác

	Lãi suất (%)	Hiệu lực từ	Ghi chú
1	12.00	01/01/2015	

- **Lãi suất tháng (%)**

Lãi suất áp dụng cho từng thời điểm khi so sánh ngày đáo hạn kế ước so với ngày hiệu lực.

- **Hiệu lực từ ngày**

Dựa vào thời gian này, ngày đáo hạn và ngày tính lãi để xác định mức lãi suất trong hạn và quá hạn.

Ví dụ:

Khế ước ABC, Vay 1.000.000.000, Ngày vay 01/01/2009, ngày đáo hạn 31/01/2009.

Lãi suất tháng (%)	Hiệu lực từ ngày	Ghi chú
1	01/01/2009	
1.2	20/01/2009	
1.5	01/02/2009	Lãi quá hạn

Kết quả (đơn vị: 1.000.000)

Tính lãi từ ... đến ...	Tính cả ngày trả?	Số ngày trong hạn	Số ngày quá hạn	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
01/01/2009 -> 31/01/2009	0	30	0	$= (1000 \times 0.01 \times 19/30) + (1000 \times 0.012 \times 11/30)$	
01/01/2009 -> 31/01/2009	1	31	0	$= (1000 \times 0.01 \times 19/30) + (1000 \times 0.012 \times 12/30)$	
01/01/2009 -> 10/02/2009	0	31	9	$= (1000 \times 0.01 \times 19/30) + (1000 \times 0.012 \times 12/30)$	$= 1000 \times 0.015 \times 9/30$
01/01/2009 -> 10/02/2009	1	31	10	$= (1000 \times 0.01 \times 19/30) + (1000 \times 0.012 \times 12/30)$	$= 1000 \times 0.015 \times 10/30$

Giải thích các trường thông khác

- **Phân nhóm kiểu 1/2/3**

Các nhóm được sử dụng để phân loại các kế ước dùng trong phân tích số liệu. Các nhóm này được lấy từ “Danh mục nhóm kế ước”.



Chi tiết các thao tác làm việc với danh mục đề nghị xem thêm “Những hướng dẫn chung về cập nhật các danh mục”

Một số thao tác khi cập nhật danh mục

- **Lấy dữ liệu từ tệp bảng tính excel**

Chương trình cho phép đưa dữ liệu từ bảng tính vào chương trình để tiết kiệm thời gian nhập liệu ban đầu cho người dùng.

Quy trình thực hiện như sau:

- Vào Danh mục kế ước;
- Nhấn biểu tượng , chương trình sẽ tải tệp mẫu để người dùng chuyển dữ liệu vào tệp này;
- Sau khi đã nhập dữ liệu vào tệp bảng tính, để đưa dữ liệu này vào chương trình, nhấn biểu tượng , chọn tệp bảng tính, chương trình sẽ tải dữ liệu từ tệp mẫu vào danh mục.

Ghi chú về cách nhập tệp mẫu:

- Mã kế ước: Định dạng chuỗi, tối đa 8 ký tự. Mã chỉ tồn tại duy nhất trong các dòng của cột này, nếu chưa có trong danh mục, chương trình sẽ thêm vào, nếu có chương trình sẽ thay đổi các thông tin còn lại nếu chọn là "Chép đè"; Mã không được lồng với 1 mã khác và không được chứa các ký tự: '~!@#%&*(),;<>?/_ ;
- Số kế ước: Nhập tự do tối đa 16 ký tự;
- Loại kế ước: Chấp nhận 1 trong 2 ký số 1 và 2 ("1 – Đi vay", "2 – Cho vay");
- Theo dõi số dư: Chấp nhận 1 trong 2 ký số 1 và 0 ("1 – Có", "0 – Không");
- Mã hợp đồng, Mã vụ việc, Mã nt, Tài khoản vay, Ngân hàng, Bộ phận thực hiện: Mã tồn tại trong các danh mục: hợp đồng, vụ việc, ngoại tệ, tài khoản, khách hàng, bộ phận. Độ dài tối đa tương ứng 16, 16, 3, 16, 16, 16 ký tự;
- Tiền vay: Định dạng số, tối đa 14 ký số và 2 số lẻ;
- Tiền vay ngoại tệ: Định dạng số, tối đa 12 ký số và 4 số lẻ;
- Chu kỳ thanh toán, Số lần thanh toán: Định dạng số, tối đa 3 ký số;
- Lãi suất tối đa (%), Lãi suất (%): Định dạng số, tối đa 12 ký số và 4 số lẻ;
- Ngày, Ngày vay, Ngày đáo hạn, Hiệu lực từ: Định dạng ngày tháng;
- Tên kế ước, Tên khác: Nhập tự do tối đa 128 ký tự.

Ghi chú khác

- Nếu không có quyền "Mời", không thể chuyển thêm dữ liệu chưa có trong danh mục từ bảng tính;
- Nếu không có quyền "Sửa", không thể sửa dữ liệu đã có trong danh mục từ bảng tính;
- Không hỗ trợ các tệp bảng tính chứa macro;
- Bảng tính có phiên bản 2007 trở lên.

2 Cập nhật đầu kỳ

2.1 Vào số dư đầu kỳ kế ước

Màn hình "Thêm số dư kế ước"

Sửa số dư đầu kỳ kế ược		
Đơn vị	ABC	Công ty ABC
Tài khoản	311-ACB	Vay ngắn hạn ACB
Kế ược	VAY001	Vay ngắn hạn VND theo hợp đồng số STB001
Dư nợ	200 000 000	
Dư có	0	
Dư nợ ngoại tệ	0.00	
Dư có ngoại tệ	0.00	

Giải thích các trường

- **Tài khoản**

Tài khoản định khoản cho kế ược này. Trường này được lấy từ danh mục tài khoản.

- **Kế ược**

Chọn loại kế ược để theo dõi số dư. Trường này được lấy từ danh mục kế ược.

- **Dư nợ đầu kỳ**

Số tiền dư bên phát sinh nợ đầu kỳ.

- **Dư có đầu kỳ**

Số tiền dư bên phát sinh có đầu kỳ.

- **Dư nợ đầu kỳ ngoại tệ**

Số tiền ngoại tệ dư bên phát sinh nợ đầu kỳ.

- **Dư có đầu kỳ ngoại tệ**

Số tiền dư ngoại tệ bên phát sinh có đầu kỳ.

3 Chứng từ

3.1 Giấy báo có

3.1.1 Giải thích chi tiết các trường - loại chứng từ 2, 5 và 9

Màn hình nhập liệu giấy báo có của ngân hàng- loại chứng từ 2, 5, 9

Thêm giấy báo có

Mã khách	KI109	Công ty TNHH Long Giang	Số phiếu thu	2247
Địa chỉ	215 Trần Hưng Đạo, Q5, TPHCM		Ngày lập	30/10/2011
Người nộp tiền	Nguyễn Văn Lon		Ngày hạch toán	30/10/2011
Lý do nộp	Thu tiền hàng tháng 9/2011		Tỷ giá	USD 20 000.00000
Loại phiếu thu	2	Thu của khách hàng	Trạng thái	2. Chuyển số cái
Tài khoản nợ	1122-ĐỒNG / Tiền gửi NT ở ngân hàng Đông Á			

Chi tiết: Thanh toán | Chứng từ gốc

Tk...	Tên tài khoản	Tiền nt	Tỷ giá gs	Diễn giải
13111-	Phải thu ngắn hạn khách hàng: hoạt động SXKI	300.00	21 500.00	Thu tiền hàng tháng 9/2011

Theo dõi thanh toán Sửa tỷ giá ghi số Tiền 300.00 6 450 000.00

Phần thông tin chung

- **Mã khách / Địa chỉ**

Là đối tượng thu tiền. Nếu giấy báo có của ngân hàng có liên quan đến thanh toán công nợ thì mã khách sẽ là mã nhà cung cấp, nhân viên hoặc khách hàng. Khi đó, khoản thu này sẽ được ghi vào các sổ chi tiết công nợ của mã đối tượng công nợ. Mã khách được chọn từ danh mục khách hàng.

- **Người nộp tiền**

Người nộp tiền được sử dụng như thông tin tham khảo thêm trong giấy báo có của ngân hàng (dùng để in chứng từ).

Người nộp tiền được trả về tự động theo mã khách đã chọn ở trên nếu mã khách có khai báo trường "Đối tác" và có thể nhập lại hoặc không, tùy theo khai báo trong "Khai báo các màn hình nhập chứng từ".

- **Lý do nộp**

Thông tin tham khảo thêm trong giấy báo có của ngân hàng. Thông thường, đó là diễn giải của nghiệp vụ kế toán.

- **Tài khoản nợ**

Tài khoản ghi nợ, là tài khoản tiền gửi ngân hàng. Tài khoản được chọn từ danh mục tài khoản.

- **Loại phiếu thu**

Loại giấy báo có của ngân hàng. Tùy theo tính chất nghiệp vụ sẽ dùng các loại giấy báo có của ngân hàng khác nhau. Có các loại giấy báo có của ngân hàng sau:

- 1 - “Thu tiền chi tiết theo hoá đơn”: sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp có theo dõi việc thanh toán công nợ chi tiết theo từng hóa đơn và bộ phận kế toán tiền mặt tiền gửi kiêm luôn chức năng theo dõi việc thanh toán chi tiết theo từng hóa đơn từ giấy báo có của ngân hàng.
- 2 - “Thu của khách hàng”: sử dụng trong trường hợp bộ phận kế toán tiền mặt tiền gửi chỉ thực hiện thu cho đối tượng công nợ theo số tiền nợ. Việc phân bổ thanh toán công nợ chi tiết theo từng hóa đơn (nếu có) được thực hiện ở bộ phận xử lý công nợ chuyên biệt (thuộc kế toán công nợ).
- 3 - “Thu của các khách hàng”: sử dụng trong trường hợp thu cho một người đại diện nợ tiền nhưng phải theo dõi công nợ trên nhiều đối tượng công nợ khác
- 5 - “Thu ngoại tệ tỷ giá ghi sổ sử dụng pp trung bình”: sử dụng trong trường hợp nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ có tính tỷ giá ghi sổ theo phương pháp trung bình tháng.
- 9 - “Thu khác”: sử dụng trong trường hợp thu trực tiếp còn lại ngoài các loại trên.

Loại giấy báo có của ngân hàng ngầm định là 2. Tuy nhiên có thể sửa lại giá trị ngầm định này trong “Khai báo các màn hình nhập chứng từ”.

Sau khi đã nhập số liệu ở phần chi tiết thì không được sửa loại chứng từ nữa. Để sửa loại chứng từ phải xóa hết các dòng chi tiết.

- **Số pt / Ngày lập/ Ngày hạch toán**

Thông tin về số giấy báo có của ngân hàng, số giấy báo có của ngân hàng được chương trình tự động đánh tăng lên 1 khi nhập chứng từ mới nhưng người sử dụng được sửa lại.

Ngày lập giấy báo có chỉ để tham khảo chứ không dùng trong tính toán. Khi tính toán thì chương trình sẽ dùng ngày hạch toán. Ngày hạch toán phải lớn hơn ngày đã khóa sổ.

- **Mã ngoại tệ / Tỷ giá**

Mã của loại tiền giao dịch của chứng từ hiện thời. Mã ngoại tệ chọn nhập từ danh mục tiền tệ.

Tỷ giá là tỷ giá giao dịch thực tế được trả về giá trị từ “Danh mục quy đổi ngoại tệ” dựa trên ngày tỷ giá gần nhất trước giấy báo có hiện tại. Trong trường hợp mã ngoại tệ là đồng hạch toán, tỷ giá giao dịch thực tế sẽ là 1. Con trỏ không duyệt qua trường này. Phải chọn bằng chuột để chọn loại tiền giao dịch.

- **Trạng thái**

Trạng thái của chứng từ. Có 3 trạng thái:

- Lập chứng từ: Chưa chuyển vào bất kỳ sổ sách nào;
- Chuyển KTTH: Nếu có chứng từ thuế VAT thì hóa đơn sẽ chuyển vào sổ sách, báo cáo thuế. Nếu là chứng từ liên quan thanh toán theo hóa đơn, sẽ được chuyển vào sổ công nợ chi tiết theo hóa đơn;
- Đã chuyển vào sổ cái: ghi vào tất cả sổ sách liên quan.

Nếu chứng từ chưa chuyển vào sổ cái, sẽ không thể xem trên các sổ sách hoặc báo cáo tài chính.

Phần thông tin chi tiết**• Tài khoản có**

Mã số của tài khoản ghi có trong định khoản nghiệp vụ phát sinh. Tài khoản có được chọn trong danh mục tài khoản.

• Diễn giải

Diễn giải về nội dung phát sinh. Dòng diễn giải này sẽ được chuyển vào sổ cái.

• Tiền (ngoại tệ xxx)

Xxx - mã đồng tiền giao dịch. Số phát sinh theo đồng tiền giao dịch. Trong trường hợp ngoại tệ, tiền sẽ được tính toán theo công thức [tiền xxx * tỷ giá]. Tuy nhiên nếu số tiền thực tế của giao dịch [xxx * tỷ giá] thì có thể nhập trực tiếp giá trị trường tiền.

• Tỷ giá ghi sổ

Trong trường hợp sử dụng giấy báo có của ngân hàng loại chứng từ 2, tỷ giá trong phần chi tiết sẽ là tỷ giá ghi sổ của tài khoản công nợ. Tỷ giá ghi sổ của tài khoản công nợ sẽ được chương trình tính tự động.

• Tiền

Số phát sinh theo đồng tiền hạch toán. Nếu đồng tiền giao dịch là đồng tiền hạch toán thì không hiện trường này. Trường này bằng số tiền ngoại tệ nhân với tỷ giá ghi sổ nhưng được phép sửa theo ý chủ quan của người nhập.

• Theo dõi t.toán

Xử lý đối với các khoản thu từ việc vay nợ như là hoá đơn (thuộc phân hệ kế toán phải trả). Phục vụ lên các báo cáo phân tích tuổi nợ, báo cáo chi tiết thanh toán theo từng khoản vay.

Chương trình ngầm định gán số chứng từ, ngày hạch toán ở phần thông tin chung vào các trường số chứng từ, ngày chứng từ tương ứng trong phần "Thanh toán" và được phép sửa lại. Riêng trường "Mã thanh toán" thì được ngầm định lấy từ danh mục khách hàng (nhà cung cấp).

• Sửa tỷ giá ghi sổ (đối với loại chứng từ số 2)

Xử lý để sửa tỷ giá ghi sổ của công nợ. Có thể sửa tỷ giá ghi sổ đã được tính tự động bởi chương trình bằng tỷ giá tùy ý. Khi tính tỷ giá cuối tháng, chương trình sẽ không cập nhật lại tỷ giá tính được cho những chứng từ này.

Nếu tài khoản đối ứng là tài khoản công nợ gốc ngoại tệ thì tỷ giá ghi sổ cuối tháng của tài khoản sẽ loại phiếu này ra khi tính toán

3.1.2 Màn hình nhập liệu giấy báo có của ngân hàng- loại chứng từ 1

Xem giấy báo có

Mã khách	KII004	Công ty TNHH Thành Công	Số phiếu thu	2240
Địa chỉ			Ngày lập	22/01/2014
Người nộp tiền			Ngày hạch toán	22/01/2014
Lý do nộp	Thu tiền hàng cho HĐ 130041 ngày 05/10/2011		Tỷ giá	VND 1.00000
Loại phiếu thu	1	Thu tiền chi tiết theo hóa đơn	Trạng thái	2. Chuyển số cái
Tài khoản nợ	1122TT	Tiền gửi ngân hàng ACB bank		

Chi tiết | Thanh toán | Chứng từ gốc

Số hóa đơn	Ngày hóa...	Tiền trên hóa...	Đã thanh...	Còn phải thanh...	Tk có	Tiền	Thanh toán q...
130041	05/10/2011	5 500 000.00	0.00	5 500 000.00	131-12	5 500 000.00	5 500 000.00

Theo dõi thanh toán
 Sửa tỷ giá chi số
 Tên 5 500 000.00

Mới Sửa Đóng

Loại chứng từ 1- “Thu chi tiết theo hoá đơn” sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp có theo dõi việc thanh toán công nợ chi tiết theo từng hóa đơn và bộ phận kế toán tiền mặt tiền gửi kiêm luôn chức năng theo dõi việc thanh toán chi tiết theo từng hóa đơn từ giấy báo có. Khi thu tiền chi tiết theo hóa đơn ta phải chỉ rõ là thu tiền của hóa đơn nào. Trong trường hợp thu tiền của nhiều hóa đơn thì phải tách số tiền ra theo từng hóa đơn.

Để tìm hóa đơn cần thanh toán, nhấn tổ hợp phím "Ctrl+Insert" hoặc nhấn nút "Mới" để tạo một dòng chi tiết mới. Sau đó nhập số hóa đơn hoặc nhấn nút tìm kiếm.

Giải thích chi tiết các trường trong màn hình giấy báo có- loại chứng từ 1

(Xem trong hướng dẫn Phiếu thu)

3.1.3 Màn hình nhập liệu giấy báo có của ngân hàng- loại chứng từ 3

Thêm giấy báo có

Mã khách	KH09 Công ty TNHH Long Giang	Số phiếu thu	74
Địa chỉ	215 Trần Hưng Đạo, Q5, TPHCM	Ngày lập	30/10/2011
Người nộp tiền	Nguyễn Văn Luận	Ngày hạch toán	30/10/2011
Lý do nộp	Thu tiền hàng của các đại lý công ty Long Giang	Tỷ giá	VND 1.00
Loại phiếu thu	3 Thu của các khách hàng	Trạng thái	1. Chuyển số cái
Tài khoản nợ	11221		

Chi tiết: Thanh toán Chứng từ có:

Tk có	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách hàng
131111	Phải thu khách hàng ngắn hạn: Hế SXKD (VND)	0024	Khách hàng 0024
131111	Phải thu khách hàng ngắn hạn: Hế SXKD (VND)	0025	Khách hàng 0025

Theo dõi thanh toán
 Sửa tỷ giá ghi số
 Tiền: 30.000.000

Lưu Hủy



Trường hợp thu cho nhiều khách cũng giống như trường hợp loại giấy báo có của ngân hàng cho một khách. Điểm khác biệt ở đây là ở mỗi dòng chi tiết hạch toán có thể nhập các mã khách khác nhau. Ngoài ra, đối với các phát sinh ngoại tệ mà dùng loại chứng từ này thì chương trình chỉ ghi nhận và hạch toán theo tỷ giá giao dịch, không tạo chênh lệch tỷ giá.

Một số thao tác khi cập nhật chứng từ loại 3

- **Kết nhập dữ liệu từ tệp excel (chi tiết từng chứng từ)**

Chương trình cho phép đưa dữ liệu từ bảng tính vào chương trình để tiết kiệm thời gian nhập liệu ban đầu cho người dùng.

Quy trình thực hiện như sau:

- Vào chứng từ;
- Nhấn biểu tượng , chương trình sẽ tải tệp mẫu để người dùng chuyển dữ liệu vào tệp này;
- Sau khi đã đổ dữ liệu vào tệp bảng tính, để đưa dữ liệu này vào chương trình, nhấn biểu tượng , chọn tệp bảng tính, chương trình sẽ tải dữ liệu từ tệp mẫu vào chi tiết của phiếu.

Chương trình sẽ báo lỗi trong 1 số trường hợp sau:

- Dữ liệu các cột chứa mã các đối tượng liên quan không có trong các danh mục hiện có (khách hàng, tài khoản, vụ việc...), trong trường hợp này, chương trình vẫn mang dữ liệu vào màn hình chi tiết nhưng khi lưu sẽ cảnh báo "Trường xxx chưa nhập hoặc giá trị nhập không hợp lệ", người dùng phải chỉnh sửa trước khi lưu;

- Dữ liệu chuỗi dài quá độ rộng cho phép.

Ghi chú khác

- Chương trình chỉ hỗ trợ chuyển dữ liệu chi tiết của từng phiếu, dùng trong trường hợp thường xuyên nhập những bút toán định kỳ tương tự nhau;
- Nếu không có quyền "Mới", không thể chuyển thêm dữ liệu chưa có trong chi tiết;
- Nếu không có quyền "Sửa", không thể sửa dữ liệu đã có trong chi tiết;
- Các trường tên trong danh mục, người dùng không cần nhập, chương trình sẽ tự cập nhật lại.

3.1.4 Phần thông tin thanh toán

Thông tin thanh toán dùng để cập nhật "Mã thanh toán", "Số chứng từ", "Ngày chứng từ" trong trường hợp sử dụng loại phiếu thu 2 và có chọn "Theo dõi thanh toán". Các thông tin này sẽ được lưu lại trong chi tiết thanh toán và xử lý thanh toán tương đương như hóa đơn công nợ.

3.1.5 Phần thông tin chứng từ gốc



Phần thông tin chứng từ gốc dùng để lưu các thông tin số lượng chứng từ kèm theo và ghi chú các chứng từ, thông tin này dùng để in chứng từ.

Trong các chứng từ thu chi, tỷ giá ghi sổ các tài khoản gốc ngoại tệ sẽ được áp lại chứng từ, công thức tính toán đề nghị xem thêm "[Những hướng dẫn khác về phân hệ vốn bằng tiền](#)".

3.1.6 Một số thao tác khi cập nhật chứng từ

- **Kết nhập dữ liệu từ tệp excel (hàng loạt) (loại chứng từ 2,3,9)**

Chương trình cho phép đưa dữ liệu từ bảng tính vào chương trình để tiết kiệm thời gian nhập liệu ban đầu cho người dùng. Quy trình thực hiện như sau:

- Vào giấy báo có;
- Nhấn biểu tượng , chương trình sẽ tải tệp mẫu để người dùng chuyển dữ liệu vào tệp này;
- Sau khi đã đổ dữ liệu vào tệp bảng tính, để đưa dữ liệu này vào chương trình, nhấn biểu tượng , chọn tệp bảng tính, chương trình sẽ tải dữ liệu từ tệp mẫu.

Ghi chú về cách nhập các cột dữ liệu của tệp mẫu:

- Tài khoản nợ, Tài khoản có, Mã khách: Tài khoản phải là tài khoản chi tiết;
- Số chứng từ: Cho phép nhập dạng chuỗi, độ dài tối đa 12 ký tự;
- Ngày chứng từ : Định dạng theo kiểu ngày tháng. Ngày khóa sổ tổng, khóa sổ theo chứng từ trước ngày chứng từ nhập vào;
- Loại chứng từ: Chương trình chỉ hỗ trợ cho các giấy báo có loại 2, 3, 9;
- Tiền: Nhập kiểu số, độ dài tối đa 14 số và 2 số lẻ (theo chuẩn chương trình);
- Mã khách, Tk có, Vụ việc, Bộ phận, Lsx, Sản phẩm, Hợp đồng, Phí, Khế ước: Nhập các mã tồn tại trong danh mục tương ứng, độ dài tương ứng với cách nhập trong màn hình thêm mới (sửa) danh mục;

Chương trình sẽ thông báo lỗi trong 1 số trường hợp sau:

- Dữ liệu cột chứa mã khách hàng, tài khoản không có trong các danh mục tài khoản hoặc tài khoản tổng hợp. Trong trường hợp này, chương trình sẽ chỉ rõ địa chỉ ô không hợp lệ;
- Các trường hợp buộc nhập số liệu không được để trống (số chứng từ, ngày chứng từ...);
- Dữ liệu chuỗi dài quá độ rộng cho phép, độ rộng tương tự như nhập thủ công.

Ghi chú khác:

- Khi đã khóa số liệu hệ thống hoặc khóa số liệu theo chứng từ (có ngày khóa sau ngày bắt đầu nhập liệu) thì không thể chuyển dữ liệu;
- Người dùng phải có quyền "Mới" trong chức năng "Giấy báo có";
- Chỉ kiểm tra trùng chứng từ (nếu tồn tại số chứng từ), không kiểm tra chi tiết theo các tham số khác trong danh mục chứng từ;
- Muốn cập nhật chi tiết nhiều dòng cho một chứng từ, thì người dùng nhập liệu nhiều dòng trong bảng tính có cùng số chứng từ và ngày chứng từ, trong trường hợp đó, chương trình sẽ kết nhập thành một chứng từ tương ứng;
- Chương trình chỉ hỗ trợ kết nhập cho đồng tiền hạch toán, không hỗ trợ cho đồng tiền ngoại tệ;
- Chương trình chỉ hỗ trợ kết nhập với trạng thái "Lập chứng từ", người dùng sẽ chuyển vào các sổ liên quan bằng cách sửa chứng từ đã kết nhập;
- Các trường tên trong danh mục, người dùng không cần nhập, chương trình sẽ tự cập nhật lại;
- Không hỗ trợ các tệp bảng tính chứa macro;
- Bảng tính có phiên bản 2007 trở lên.

Chi tiết các thao tác làm việc với chứng từ đề nghị xem thêm "Những hướng dẫn chung về cập nhật các chứng từ".

3.2 Giấy báo nợ

3.2.1 Màn hình nhập liệu giấy báo nợ- loại chứng từ 2, 5 và 9

Xem giấy báo nợ

Mã khách: PP.KH002 Cty TNHH SX TM DV Lạc Hồng Số phiếu chi: 154
Địa chỉ: 205 Nguyễn Văn Thủ Ngày lập: 22/10/2011
Người nhận tiền: Ngày hạch toán: 22/10/2011
Lý do chi: Chi tiền hàng tháng 9/2011 Tỷ giá: VND 1.00000
Loại phiếu chi: 2 Chi cho khách hàng Tỷ giá gs: 1.00000
Tài khoản có: 1122TT Tiền gửi ngân hàng ACB bank Trạng thái: 2. Chuyển số cái

Chi tiết Thuế Thanh toán Ủy nhiệm chi

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải	Vụ việc	Bộ phận
001-DN	Phải trả nhà cung cấp	15 000 000.00	Chi tiền hàng tháng 9/2011		

Theo dõi thanh toán Sửa tỷ giá ghi số

Tiền: 15 000 000.00
Tiền thuế: 0.00
Tổng thanh toán: 15 000 000.00

Mới Sửa Đóng

Giải thích chi tiết các trường - loại chứng từ 2, 5 và 9

Phần thông tin chung

- **Mã khách**

Đối tượng chi tiền. Nếu giấy báo nợ có liên quan đến thanh toán công nợ thì mã khách sẽ là mã nhà cung cấp, nhân viên hoặc khách hàng. Khi đó, khoản chi này sẽ được ghi vào các sổ chi tiết công nợ của mã đối tượng công nợ. Trong những trường hợp chi thẳng như mua hàng hóa dịch vụ trả tiền ngay, mã khách chỉ là thông tin tham khảo hoặc có thể được dùng cho các bảng kê chứng từ thuế GTGT sau này. Mã khách được chọn nhập từ danh mục khách hàng, nhà cung cấp.

- **Địa chỉ/Người nhận tiền**

Thông tin tham khảo thêm trong giấy báo nợ.

Địa chỉ/Người nhận tiền được trả về tự động theo mã khách đã chọn ở trên nếu mã khách có khai báo trường "Đối tác" và có thể nhập lại.

- **Lý do**

Thông tin tham khảo thêm trong giấy báo nợ.

- **Loại phiếu chi**

Loại giấy báo nợ. Tùy theo tính chất nghiệp vụ sẽ dùng các loại giấy báo nợ khác nhau. Có các loại giấy báo nợ sau:

- 1- "Chi tiết theo hóa đơn";- 1- "Thanh toán chi tiết theo hoá đơn": sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp có theo dõi việc thanh toán công nợ chi tiết theo từng hóa đơn và bộ phận kế toán tiền gửi kiêm luôn chức năng theo dõi việc thanh toán chi tiết theo từng hóa đơn.
- 2- "Chi cho khách hàng": sử dụng trong trường hợp bộ phận kế toán tiền gửi chỉ thực hiện chi cho đối tượng công nợ theo sổ duyệt. Việc phân bổ thanh toán công nợ chi tiết theo từng hóa đơn (nếu có) được thực hiện ở bộ phận xử lý công nợ chuyên biệt.
- 3- "Chi cho các khách hàng": sử dụng trong trường hợp chi cho một đối tượng đại diện nhận tiền nhưng phải theo dõi công nợ trên nhiều đối tượng công nợ khác.
- 5 – "Chi ngoại tệ tỷ giá ghi sổ sử dụng pp trung bình": sử dụng trong trường hợp nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ có tính tỷ giá ghi sổ theo phương pháp trung bình tháng.
- 9- "Chi khác": sử dụng trong trường hợp chi thanh toán thẳng. Loại này được sử dụng phổ biến nhất. Các chứng từ có hóa đơn GTGT sẽ nhập theo loại này

- **Tài khoản có**

Tài khoản ghi có, thông thường là tài khoản tiền gửi. Tài khoản được chọn từ danh mục tài khoản.

- **Số pc / Ngày lập / Ngày hạch toán**

Thông tin về số giấy báo nợ, số giấy báo nợ được chương trình tự động đánh tăng lên 1 khi nhập chứng từ mới nhưng người sử dụng được sửa lại.

Ngày lập giấy báo nợ chỉ để tham khảo chứ không dùng trong tính toán. Khi tính toán thì chương trình sẽ dùng ngày hạch toán. Ngày hạch toán phải lớn hơn ngày đã khóa sổ.

- **Mã ngoại tệ / Tỷ giá gs/ Tỷ giá**

Mã của loại tiền giao dịch của chứng từ hiện thời. Mã ngoại tệ chọn nhập từ danh mục tiền tệ.

Tỷ giá ghi sổ được tự động tính theo phương pháp chọn trước trong danh mục tài khoản. Trong trường hợp mã ngoại tệ là đồng hạch toán, tỷ giá ghi sổ sẽ là 1.

Chú ý:

Trường tỷ giá và tỷ giá ghi sổ sẽ chuyển đổi vị trí cho nhau (vị trí hiệu lực và vô hiệu) trong từng loại chứng từ cụ thể:

- Loại 1/2/5: Nhập tỷ giá ghi sổ;
- Loại 3/9: Nhập tỷ giá.

- **Trạng thái**

Trạng thái của chứng từ. Có 3 trạng thái:

- Lập chứng từ: Chưa chuyển vào bất kỳ sổ sách nào;
- Chuyển KTTH: Nếu có chứng từ thuế VAT thì hóa đơn sẽ chuyển vào sổ sách, báo cáo thuế. Nếu là chứng từ liên quan thanh toán theo hóa đơn, sẽ được chuyển vào sổ công nợ chi tiết theo hóa đơn;
- Đã chuyển vào sổ cái: ghi vào tất cả sổ sách liên quan.

Nếu chứng từ chưa chuyển vào sổ cái, sẽ không thể xem trên các sổ sách hoặc báo cáo tài chính.

Phần thông tin chi tiết**• Tài khoản nợ**

Mã số của tài khoản ghi nợ trong định khoản nghiệp vụ phát sinh. Tài khoản nợ được chọn trong danh mục tài khoản.

• Diễn giải

Diễn giải về nội dung phát sinh. Dòng diễn giải này sẽ được chuyển vào sổ cái làm ghi chú chứng từ.

• Tiền (ngoại tệ xxx)

Xxx - mã đồng tiền giao dịch. Số phát sinh theo đồng tiền giao dịch. Trong trường hợp ngoại tệ, tiền sẽ được tính toán theo công thức [tiền xxx * tỷ giá]. Tuy nhiên nếu số tiền thực tế của giao dịch [xxx * tỷ giá] thì có thể nhập trực tiếp giá trị trường tiền.

• Tiền

Số phát sinh theo đồng tiền hạch toán. Nếu đồng tiền giao dịch là đồng tiền hạch toán thì không hiện trường này. Trường này bằng số tiền ngoại tệ nhân với tỷ giá quy đổi nhưng được phép sửa.

Phần thông tin thuế**• Mẫu bc**

Dùng để lọc khi lên các báo cáo thuế ở phân hệ báo cáo thuế. Bao gồm các loại sau:

- 3- Hoá đơn giá trị gia tăng;
- 4- Hàng hoá, dịch vụ mua vào không có hoá đơn;
- 5- Hoá đơn bán hàng thông thường.

• Mã tính chất

Tính chất thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào theo qui định. Dùng để phân loại khi lên báo cáo "Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào (mẫu 01-2/GTGT)".

Bao gồm các tính chất sau:

- 1- Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT, đã phát sinh doanh thu;
- 2- Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD không chịu thuế GTGT;
- 3- Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT;
- 4- Hàng hoá, dịch vụ dùng cho TSCĐ chưa phát sinh doanh thu được khấu trừ dần theo quý.
- 5- Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp khi lên tờ khai 01/GTGT.

• Mẫu hóa đơn

Trường "Mẫu hóa đơn" ngầm định lấy từ tham số tùy chọn, cho phép sửa lại.

Chương trình sẽ xét thứ tự ưu tiên để kết xuất lên cột "Ký hiệu mẫu hóa đơn" của báo cáo thuế:

- Nếu trường "Mẫu hóa đơn" có cập nhật, chương trình sẽ ngầm định dùng trường này để lên báo cáo thuế;

- Nếu trường "Mẫu hóa đơn" không cập nhật, chương trình sẽ ngầm định dùng tham số "Ký hiệu mẫu số hóa đơn đầu vào ngầm định" trong tham số tùy chọn;

- Nếu tham số "Ký hiệu mẫu số hóa đơn đầu vào ngầm định" trong tham số tùy chọn không khai báo, chương trình sẽ không thể hiện trên báo cáo.

- **Số hoá đơn / Số seri**

Số hóa đơn và số seri hóa đơn của nhà cung cấp.

- **Ngày hoá đơn**

Ngày ghi trên hóa đơn của nhà cung cấp.

- **Mã khách thuế**

Mã của nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Ngầm định mã này sẽ là mã khách của giấy báo nợ nhưng có thể sửa lại được. Mã được chọn trong danh mục khách hàng. Sau khi nhập mã chương trình sẽ cập nhật các trường tên, địa chỉ, mã số thuế của nhà cung cấp.

Trường này có thể bỏ qua trong trường hợp ta muốn tự nhập tên, địa chỉ, mã số thuế của nhà cung cấp. Việc tự nhập các trường này thường sử dụng trong trường hợp nhà cung cấp lẻ.

- **Tên khách hàng thuế**

Tên của nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Nếu không có mã thuế, có thể nhập trực tiếp.

- **Mã số thuế**

Mã số thuế của nhà cung cấp.

- **Hàng hóa, dịch vụ**

Tên (nhóm) hàng hóa, dịch vụ mua vào.

- **Cục thuế**

Mã của cục thuế nơi doanh nghiệp báo cáo phần thuế được khấu trừ này. Mã của cục thuế được chọn trong danh mục khách hàng.

Trường này được sử dụng trong trường hợp phải theo dõi nhiều cục thuế khác nhau. Trường hợp này thường xảy ra đối với các công ty có các đơn vị trực thuộc ở các địa bàn khác nhau.

Phần thông tin khác

- **Theo dõi t.toán**

Xử lý đối với các khoản chi cho vay, tạm ứng như là hoá đơn (thuộc phân hệ kế toán phải thu). Phục vụ lên các báo cáo phân tích tuổi nợ, báo cáo chi tiết thanh toán theo từng khoản cho vay, tạm ứng. Chương trình ngầm định gán số chứng từ, ngày hạch toán ở phần thông tin chung vào các trường số chứng từ, ngày chứng từ tương ứng trong phần "Thanh toán" và được phép sửa lại. Riêng trường "Mã thanh toán" thì được ngầm định lấy từ danh mục khách hàng (nhà cung cấp).

- **Sửa tỷ giá ghi sổ**


Xử lý để sửa tỷ giá ghi sổ của tài khoản tiền. Có thể sửa tỷ giá ghi sổ đã được tính tự động bởi chương trình bằng tỷ giá tùy ý. Khi tính tỷ giá cuối tháng, chương trình sẽ trừ khoản phát sinh này khỏi công thức tính toán và không cập nhật lại tỷ giá tính được cho những chứng từ này.

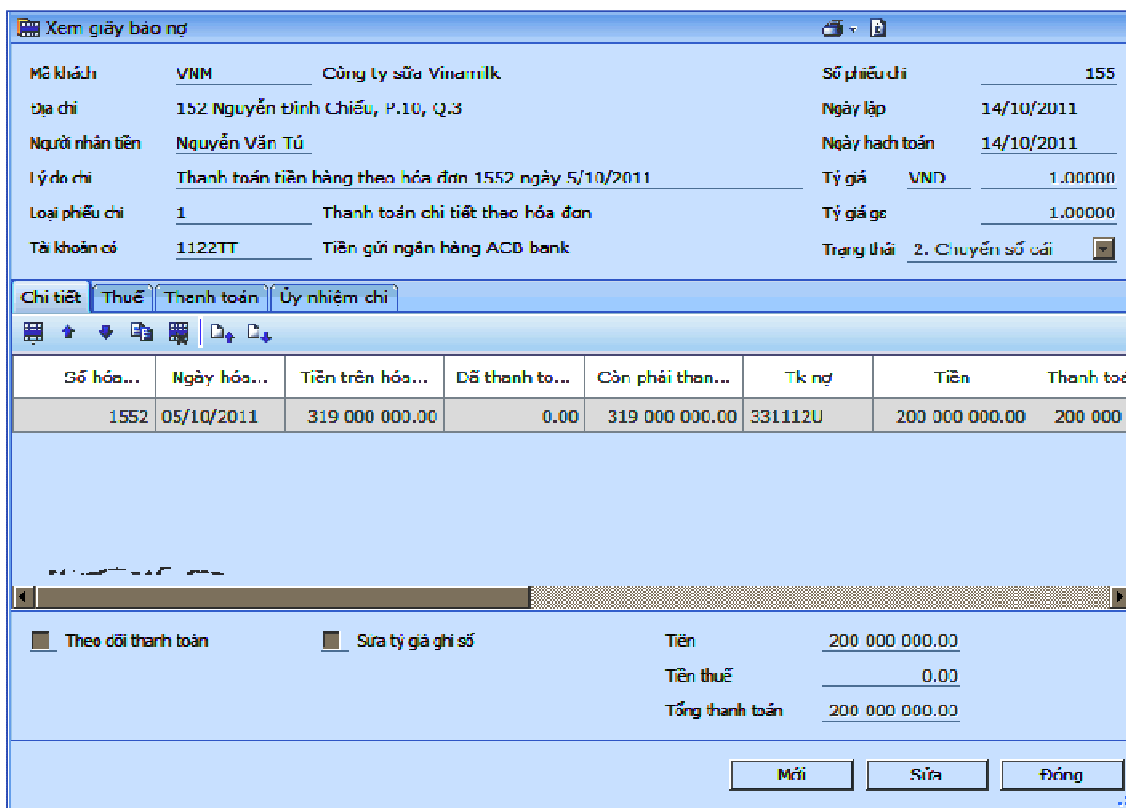
Lưu ý:

- Chỉ nhập các chứng từ thuế trong giấy báo nợ loại chứng từ 9 vì giấy báo nợ loại này phục vụ cho các khoản chi trả ngay.
- Trong trường hợp sử dụng loại chứng từ bằng 2 ta cũng có thể phân bổ số tiền đã chi cho từng hóa đơn nhưng việc phân bổ được thực hiện ở phân hệ kế toán công nợ phải trả. Chương trình sẽ liệt kê những giấy báo nợ đã chi trong phân hệ tiền mặt, tiền gửi và các hóa đơn liên quan đến khách hàng hiện thời chưa tất toán để ta thực hiện phân bổ số tiền chi cho các hóa đơn tương ứng.

3.2.2 Màn hình nhập liệu giấy báo nợ- loại chứng từ 1

Loại chứng từ báo nợ 1- “Chi chi tiết theo hoá đơn” sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp có theo dõi việc thanh toán công nợ chi tiết theo từng hóa đơn và bộ phận kế toán tiền mặt tiền gửi kiêm luôn chức năng theo dõi việc thanh toán chi tiết theo từng hóa đơn từ báo nợ. Khi chi tiền chi tiết theo hóa đơn ta phải chỉ rõ là chi tiền cho hóa đơn nào. Trong trường hợp chi tiền cho nhiều hóa đơn thì phải tách số tiền ra theo từng hóa đơn.

Để tìm hóa đơn cần thanh toán, nhấn tổ hợp phím "Ctrl+Insert" hoặc nhấn nút  - "Mới" để tạo một dòng chi tiết mới. Sau đó nhập số hóa đơn hoặc nhấn nút tìm kiếm.



Số hóa...	Ngày hóa...	Tiền trên hóa...	Đã thanh to...	Còn phải thanh...	Tk nợ	Tiền	Thanh toá
1552	05/10/2011	319 000 000.00	0.00	319 000 000.00	331112U	200 000 000.00	200 000 000.00

Tên	200 000 000.00
Tên thuế	0.00
Tổng thanh toán	200 000 000.00

Giải thích chi tiết các trường trong màn hình giấy báo nợ- loại chứng từ 1

(Xem trong hướng dẫn Phiếu chi)

3.2.3 Màn hình nhập liệu giấy báo nợ- loại chứng từ 3

Xem giấy báo nợ

Mã khách	PP.KHO03	Cty TNHH TM DV Minh Tâm	Số phiếu chi	565
Địa chỉ	48 Vạn Hộ Dương		Ngày lập	14/10/2011
Người nhận tiền			Ngày hạch toán	14/10/2011
Lý do chi	Thanh toán cho các đại lý công ty Minh Tâm		Tỷ giá	VND 1.00000
Loại phiếu chi	3	Chi cho các khách hàng	Tỷ giá gó	1.00000
Tài khoản có	1122-DÔNG A	Tiền gửi NT ở ngân hàng Đông Á	Trạng thái	2. Chuyển số cái

Chi tiết Thuế Thanh toán Ủy nhiệm chi

Tk nợ	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách hàng	Tiền	Diễn giải	Vụ
33111K	Phải trả người bán	0027	Khách hàng 0027	25 000 000.00	Thanh toán cho các đại lý cơ	
33111K	Phải trả người bán	0028	Khách hàng 0028	4 000 000.00	Thanh toán cho các đại lý cơ	

Theo dõi thanh toán Sửa tỷ giá ghi số

Tiền	29 000 000.00
Tiền thuế	0.00
Tổng thanh toán	29 000 000.00

Mới Sửa Đóng



Trường hợp chi cho nhiều khách cũng giống như trường hợp loại giấy báo nợ cho một khách. Điểm khác biệt ở đây là ở mỗi dòng chi tiết hạch toán có thể nhập các mã khách khác nhau. Ngoài ra, đối với các phát sinh ngoại tệ mà dùng loại chứng từ này thì chương trình chỉ ghi nhận và hạch toán theo tỷ giá giao dịch, không tạo chênh lệch tỷ giá.

Một số thao tác khi cập nhật chứng từ loại 3

Kết nhập dữ liệu từ tệp excel (chi tiết từng chứng từ).

Chương trình cho phép đưa dữ liệu từ bảng tính vào chương trình để tiết kiệm thời gian nhập liệu ban đầu cho người dùng.

Quy trình thực hiện như sau:

- Vào chứng từ;
- Nhấn biểu tượng , chương trình sẽ tải tệp mẫu để người dùng chuyển dữ liệu vào tệp này;
- Sau khi đã đổ dữ liệu vào tệp bảng tính, để đưa dữ liệu này vào chương trình, nhấn biểu tượng , chọn tệp bảng tính, chương trình sẽ tải dữ liệu từ tệp mẫu vào chi tiết của phiếu.

Chương trình sẽ báo lỗi trong 1 số trường hợp sau:

- Dữ liệu các cột chứa mã các đối tượng liên quan không có trong các danh mục hiện có (khách hàng, tài khoản, vụ việc...), trong trường hợp này, chương trình vẫn mang dữ liệu vào màn hình chi tiết nhưng khi lưu sẽ cảnh báo "Trường xxx chưa nhập hoặc giá trị nhập không hợp lệ", người dùng phải chỉnh sửa trước khi lưu;
- Dữ liệu chuỗi dài quá độ rộng cho phép.

Ghi chú khác

- Chương trình chỉ hỗ trợ chuyển dữ liệu chi tiết của từng phiếu, dùng trong trường hợp thường xuyên nhập những bút toán định kỳ tương tự nhau;
- Nếu không có quyền "Mới", không thể chuyển thêm dữ liệu chưa có trong chi tiết;
- Nếu không có quyền "Sửa", không thể sửa dữ liệu đã có trong trong chi tiết;
- Các trường tên trong danh mục, người dùng không cần nhập, chương trình sẽ tự cập nhật lại.

3.2.4 Phân thông tin Ủy nhiệm chi

Phân thông tin chứng từ gốc dùng để lưu các thông tin số lượng chứng từ kèm theo và ghi chú các chứng từ, thông tin này dùng để in chứng từ. Các thông tin bao gồm: Đơn vị nhận tiền, Số tài khoản, Tại ngân hàng, Tỉnh thành, Nội dung.

3.2.5 Phân thông tin thanh toán

Thông tin thanh toán dùng để cập nhật "Mã thanh toán", "Số chứng từ", "Ngày chứng từ" trong trường hợp sử dụng loại 2 và có chọn "Theo dõi thanh toán".



Các thông tin này sẽ được lưu lại trong chi tiết thanh toán và xử lý thanh toán tương đương như hóa đơn công nợ.

3.2.6 Một số thao tác khi cập nhật chứng từ

- **Kết nhập dữ liệu từ tệp excel (hàng loạt) (loại chứng từ 2,3,9)**

Chương trình cho phép đưa dữ liệu từ bảng tính vào chương trình để tiết kiệm thời gian nhập liệu ban đầu cho người dùng.

Quy trình thực hiện như sau:

- Vào giấy báo nợ;
- Nhấn biểu tượng , chương trình sẽ tải tệp mẫu để người dùng chuyển dữ liệu vào tệp này;
- Sau khi đã đổ dữ liệu vào tệp bảng tính, để đưa dữ liệu này vào chương trình, nhấn biểu tượng , chọn tệp bảng tính, chương trình sẽ tải dữ liệu từ tệp mẫu.

Ghi chú về cách nhập các cột dữ liệu của tệp mẫu:

- Tài khoản nợ, Tài khoản có, Mã khách: Tài khoản phải là tài khoản chi tiết;
- Số chứng từ: Cho phép nhập dạng chuỗi, độ dài tối đa 12 ký tự;
- Ngày chứng từ: Định dạng theo kiểu ngày tháng. Ngày khóa sổ tổng, khóa sổ theo chứng từ trước ngày chứng từ nhập vào;
- Loại chứng từ: Chương trình chỉ hỗ trợ cho các giấy báo nợ loại 2, 3, 9;
- Tiền: Nhập kiểu số, độ dài tối đa 14 số và 2 số lẻ (theo chuẩn chương trình);

- Mã khách, Tk có, Vụ việc, Bộ phận, Lsx, Sản phẩm, Hợp đồng, Phí, Khế ước: Nhập các mã tồn tại trong danh mục tương ứng, độ dài tương ứng với cách nhập trong màn hình thêm mới (sửa) danh mục;
- Chương trình sẽ thông báo lỗi trong 1 số trường hợp sau:
- Dữ liệu cột chứa mã khách hàng, tài khoản không có trong các danh mục tài khoản hoặc tài khoản tổng hợp. Trong trường hợp này, chương trình sẽ chỉ rõ địa chỉ ô không hợp lệ;
 - Các trường hợp buộc nhập số liệu không được để rỗng (số chứng từ, ngày chứng từ...);
 - Dữ liệu chuỗi dài quá độ rộng cho phép, độ rộng tương tự như nhập thủ công;
 - Dữ liệu của giấy báo nợ loại 2 không có ngăn thông tin thuế, vì thế chương trình sẽ báo lỗi khi người dùng nhập các trường thông tin thuế trong tệp bảng tính;
 - Trường hợp khai báo tham số "Kiểm tra trùng hóa đơn trên các phiếu có thuế giá trị gia tăng đầu vào" là "Có", nếu trùng ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn và ngày hóa đơn với dữ liệu thuế giá trị gia tăng đầu vào đã có trong hệ thống, chương trình sẽ cảnh báo không cho kết nhập.

Ghi chú khác:

- Khi đã khóa số liệu hệ thống hoặc khóa số liệu theo chứng từ (có ngày khóa sau ngày bắt đầu nhập liệu) thì không thể chuyển dữ liệu;
- Người dùng phải có quyền "Mới" trong chức năng "Giấy báo nợ";
- Chỉ kiểm tra trùng chứng từ (nếu tồn tại số chứng từ), không kiểm tra chi tiết theo các tham số khác trong danh mục chứng từ;
- Muốn cập nhật chi tiết nhiều dòng cho một chứng từ, thì người dùng nhập liệu nhiều dòng trong bảng tính có cùng số chứng từ và ngày chứng từ, trong trường hợp đó, chương trình sẽ kết nhập thành một chứng từ tương ứng;
- Chương trình không hỗ trợ nhập một chi tiết hàng hóa, dịch vụ với nhiều hóa đơn thuế giá trị gia tăng đầu vào, chỉ có thể nhập thủ công hoặc điều chỉnh sau khi kết nhập;
- Chương trình chỉ hỗ trợ kết nhập cho đồng tiền hạch toán, không hỗ trợ cho đồng tiền ngoại tệ;
- Chương trình chỉ hỗ trợ kết nhập với trạng thái "Lập chứng từ", người dùng sẽ chuyển vào các sổ liên quan bằng cách sửa chứng từ đã kết nhập;
- Các trường tên trong danh mục, người dùng không cần nhập, chương trình sẽ tự cập nhật lại;
- Không hỗ trợ các tệp bảng tính chứa macro;
- Bảng tính có phiên bản 2007 trở lên.

Trong các chứng từ thu chi, tỷ giá ghi sổ các tài khoản gốc ngoại tệ sẽ được áp lại chứng từ, công thức tính toán để nghị xem thêm “Những hướng dẫn khác về phân hệ vốn bằng tiền”.

Chi tiết các thao tác làm việc với chứng từ đề nghị xem thêm “Những hướng dẫn chung về cập nhật các chứng từ”

3.3 Phiếu thu tiền mặt

3.3.1 Màn hình nhập liệu phiếu thu- loại chứng từ 1

Loại chứng từ 1- “Thu chi tiết theo hoá đơn” sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp có theo dõi việc thanh toán công nợ chi tiết theo từng hóa đơn và bộ phận kế toán tiền mặt tiền gửi kiêm luôn chức năng theo dõi việc thanh toán chi tiết theo từng hóa đơn từ phiếu thu. Khi thu tiền chi tiết theo hóa đơn ta phải chỉ rõ là thu tiền của hóa đơn nào. Trong trường hợp thu tiền của nhiều hóa đơn thì phải tách số tiền ra theo từng hóa đơn.

Để tìm hóa đơn cần thanh toán, nhấn tổ hợp phím "Ctrl+Insert" hoặc nhấn nút "🔍" - "Mới" để tạo một dòng chi tiết mới. Sau đó nhập số hóa đơn hoặc nhấn nút tìm kiếm.

The screenshot shows the 'Xem phiếu thu' window with the following details:

- Mã khách: PP.KH004, Cty TNHH TM DV Thiên Phước
- Địa chỉ: 295 Trường Chinh
- Người nộp tiền: (empty)
- Lý do nộp: Thu tiền hàng theo hóa đơn số 4411 ngày 12/11/2011
- Loại phiếu thu: 1, Thu tiền chi tiết theo hóa đơn
- Tài khoản nợ: 11123, Tiền mặt VND
- Số phiếu thu: 5
- Ngày lập: 15/11/2011
- Ngày hạch toán: 15/11/2011
- Tỷ giá: VND, 1.00000
- Trạng thái: 2. Chuyển số cái

The 'Chi tiết' (Details) tab is active, showing a table with the following data:

Số hóa đơn	Ngày hóa...	Tiền trên hóa...	Đã thanh...	Còn phải thanh...	Tk có	Tiền	Thar
4411	12/11/2011	274 560 000.00	0.00	274 560 000.00	13111-A	74 560 000.00	74

At the bottom, there are buttons for 'Theo dõi thanh toán', 'Sửa tỷ giá ghi sổ', and a total amount of 'Tiền 74 560 000.00'. There are also buttons for 'Mới', 'Sửa', and 'Đóng'.

Giải thích chi tiết các trường trong màn hình phiếu thu- loại chứng từ 1

- **Số HĐ**

Số của các hóa đơn mà khách hàng chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán hết. Số hóa đơn sẽ được lấy từ danh sách các hóa đơn chưa tất toán của khách hàng.

- **Ngày HĐ**

Ngày của hóa đơn.

- **Tài khoản có**

Mã số của tài khoản ghi nợ trong định khoản hóa đơn công nợ phải thu. Tài khoản ghi trên hóa đơn tự động trả về và không nhập được trên phiếu thu.

- **Tiền/TiềnNT**

Thanh toán trong lần hiện tại theo đồng tiền giao dịch của phiếu thu.

- **TT quy đổi**

Nếu đồng tiền giao dịch của phiếu thu khác với đồng tiền giao dịch của hóa đơn thì chương trình sẽ cho phép cập nhật trường này để nhập số tiền quy đổi ra đồng tiền giao dịch của hóa đơn. Ngược lại, nếu đồng tiền giao dịch của phiếu thu giống với đồng tiền giao dịch của hóa đơn thì chương trình sẽ không cho cập nhật trường này.

Lưu ý:

- Trong trường hợp sử dụng mã tiền tệ khác mã tiền tệ hạch toán, cần nhập "TiềnNT" hoặc "Quy đổi" để lưu giá trị nguyên tệ trên sổ cái, tiền hạch toán sẽ nhập vào trường "Tiền";
- Trong trường hợp sử dụng mã tiền tệ cùng mã tiền tệ hạch toán, cần nhập tiền hạch toán vào trường "Tiền", giá trị nguyên tệ vào "Quy đổi".

Ví dụ:

- Hóa đơn 100 USD, tỷ giá 20.000/USD, thanh toán 2.000.000 VND: nhập quy đổi = 100USD, tiền = 2.000.000,
- Hóa đơn 100 USD, tỷ giá 20.000/USD, thanh toán 100 USD: nhập tiềnNT = 100, quy đổi = 100, Tiền = 2.000.000
- Hóa đơn 1.000.000 VND, thanh toán 1.000.000 VND: Nhập trường tiền 1.000.000
- Hóa đơn 1.100.000 VND, tỷ giá 20.000/USD, thanh toán bằng 50 USD: nhập tiềnNT = 50, quy đổi = 1.000.000, Tiền = 1.100.000

- **Diễn giải**

Diễn giải về nội dung phát sinh. Diễn giải được ghi và làm ghi chú trong sổ cái.

- **Vụ việc/Phí**

Vụ việc/Phí có liên quan (nếu có quản lý nghiệp vụ theo vụ việc/phí).

Lưu ý:

Trong trường hợp sử dụng loại chứng từ bằng 2 ta cũng có thể phân bổ số tiền đã thu cho từng hóa đơn nhưng việc phân bổ được thực hiện ở phân hệ kế toán công nợ phải thu. Chương trình sẽ liệt kê những phiếu thu đã thu trong phân hệ tiền mặt, tiền gửi và các hóa đơn liên quan đến khách hàng hiện thời chưa tất toán để ta thực hiện phân bổ số tiền thu cho các hóa đơn tương ứng.

3.3.2 Màn hình nhập liệu phiếu thu- loại chứng từ 2, 5 và 9

Xem phiếu thu

Mã khách: PP.KH003 Cty TNHH TM DV Minh Tâm

Địa chỉ: 48 Vạn Hộ Dương

Người nộp tiền: _____

Lý do nộp: Thu tiền hàng tháng 10/2011

Loại phiếu thu: 2 Thu của khách hàng

Tài khoản nợ: 11120 Tiền mặt VND

Số phiếu thu: 84

Ngày lập: 14/11/2011

Ngày hạch toán: 14/11/2011

Tỷ giá: VND 1.00000

Trạng thái: 1. Chuyển KTTT

Chi tiết Thanh toán Chứng từ gốc

Tk có	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải
13111-A	Phải thu ngắn hạn khách hàng: hoạt động SXKD	70 000 000.00	Thu tiền hàng tháng 10/2011

Theo dõi thanh toán Sửa tỷ giá ghi số Tên 70 000 000.00

Giải thích chi tiết các trường phiếu thu- loại chứng từ 2/5/9

Phần thông tin chung

- **Mã khách**

Đối tượng thu tiền. Nếu phiếu thu có liên quan đến thanh toán công nợ thì mã khách sẽ là mã nhà cung cấp, nhân viên hoặc khách hàng. Khi đó, khoản thu này sẽ được ghi vào các sổ chi tiết công nợ của mã đối tượng công nợ. Mã khách được chọn nhập từ danh mục khách hàng, nhà cung cấp.

- **Địa chỉ**

Được trả về mặc nhiên từ danh mục khách hàng, nhà cung cấp nhưng có thể sửa lại. Dùng để in chứng từ.

- **Người nộp tiền**

Thông tin tham, khảo thêm trong phiếu thu. Người nộp tiền được trả về tự động theo mã khách đã chọn ở trên nếu mã khách có khai báo trường "Đối tác" và có thể nhập lại.

- **Lý do thu**

Thông tin tham khảo thêm trong phiếu thu.

- **Tài khoản nợ**

Tài khoản ghi nợ, thông thường là tài khoản tiền mặt.

- **Loại phiếu thu**

Loại phiếu thu. Tùy theo tính chất nghiệp vụ sẽ dùng các loại phiếu thu khác nhau. Có các loại phiếu thu sau:

- 2 - “Thu của khách hàng”: sử dụng trong trường hợp bộ phận kế toán tiền mặt tiền gửi chỉ thực hiện thu cho đối tượng công nợ theo số tiền nộp. Việc phân bổ thanh toán công nợ chi tiết theo từng hóa đơn (nếu có) được thực hiện ở bộ phận xử lý công nợ chuyên biệt.
- 3 - “Thu của các khách hàng”: sử dụng trong trường hợp thu cho một người đại diện nộp tiền nhưng phải theo dõi công nợ trên nhiều đối tượng công nợ khác.
- 5 – “Thu ngoại tệ tỷ giá ghi sổ sử dụng pp trung bình”: sử dụng trong trường hợp nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ có tính tỷ giá ghi sổ theo phương pháp trung bình tháng.
- 9 - “Thu khác”: sử dụng trong trường hợp thu trực tiếp.

Liên quan cách ứng dụng chênh lệch tỷ giá trong việc chọn lựa loại phiếu thu loại 2 hay 5, cần lưu ý:

- *Chọn loại 2: khi cần tỷ giá ghi sổ ngay tại thời điểm lập chứng từ và in với tỷ giá tính được;*
- *Chọn loại 5: tỷ giá ghi sổ cập nhật tại thời điểm tính tỷ giá, tỷ giá in khi lập chứng từ và in sẽ tạm tính theo tỷ giá giao dịch. Trong các chứng từ thu chi, tỷ giá ghi sổ các tài khoản gốc ngoại tệ sẽ được áp lại chứng từ và tạo chênh lệch nếu có, công thức tính toán đề nghị xem thêm “Những hướng dẫn khác về phân hệ vốn bằng tiền”.*

- **Số pt / Ngày lập / Ngày hạch toán**

Thông tin về số phiếu thu, số phiếu thu được chương trình tự động đánh tăng lên 1 khi nhập chứng từ mới nhưng người sử dụng được sửa lại.

Ngày lập pt chỉ để tham khảo chứ không dùng trong tính toán. Khi tính toán thì chương trình sẽ dùng ngày hạch toán. Ngày hạch toán phải lớn hơn ngày đã khóa sổ.

- **Mã ngoại tệ / Tỷ giá**

Mã của loại tiền giao dịch của chứng từ hiện thời. Mã ngoại tệ chọn nhập từ danh mục tiền tệ.

Tỷ giá là tỷ giá giao dịch thực tế được trả về giá trị từ “Danh mục quy đổi ngoại tệ” dựa trên ngày tỷ giá gần nhất trước phiếu thu. Trong trường hợp mã ngoại tệ là đồng hạch toán, tỷ giá giao dịch thực tế sẽ là 1. Con trỏ không duyệt qua trường này. Phải chọn bằng chuột để chọn loại tiền giao dịch.

- **Trạng thái**

Trạng thái của chứng từ. Có 3 trạng thái:

- Lập chứng từ: Chưa chuyển vào bất kỳ sổ sách nào;
- Chuyển KTTH: Nếu có chứng từ thuế VAT thì hóa đơn sẽ chuyển vào sổ sách, báo cáo thuế. Nếu là chứng từ liên quan thanh toán theo hóa đơn, sẽ được chuyển vào sổ công nợ chi tiết theo hóa đơn;
- Đã chuyển vào sổ cái: ghi vào tất cả sổ sách liên quan.

Phần thông tin chi tiết

- **Tài khoản có**

Mã số của tài khoản ghi có trong định khoản nghiệp vụ phát sinh. Tài khoản có được chọn trong danh mục tài khoản.

- **Diễn giải**

Diễn giải về nội dung phát sinh. Dòng diễn giải này sẽ được chuyển vào sổ cái.

- **Tiền (ngoại tệ xxx)**

Xxx - mã đồng tiền giao dịch. Số phát sinh theo đồng tiền giao dịch. Trong trường hợp ngoại tệ, tiền sẽ được tính toán theo công thức [tiền xxx * tỷ giá]. Tuy nhiên nếu số tiền thực tế của giao dịch [xxx * tỷ giá] thì có thể nhập trực tiếp giá trị trường tiền.

- **Tỷ giá ghi sổ**

Trong trường hợp phiếu thu mã giao dịch 2, tỷ giá trong chi tiết sẽ là tỷ giá ghi sổ của tài khoản công nợ. Tỷ giá ghi sổ của tài khoản công nợ sẽ được chương trình tính tự động.

- **Tiền**

Số phát sinh theo đồng tiền hạch toán. Nếu đồng tiền giao dịch là đồng tiền hạch toán thì không hiện trường này. Trường này bằng số tiền ngoại tệ nhân với tỷ giá ghi sổ nhưng được phép sửa.

- **Theo dõi t.toán**

Xử lý đối với các khoản thu từ việc vay nợ như là hoá đơn (thuộc phân hệ kế toán phải trả). Phục vụ lên các báo cáo phân tích tuổi nợ, báo cáo chi tiết thanh toán theo từng khoản vay.

Chương trình ngầm định gán số chứng từ, ngày hạch toán ở phần thông tin chung vào các trường số chứng từ, ngày chứng từ tương ứng trong phần "Thanh toán" và được phép sửa lại. Riêng trường "Mã thanh toán" thì được ngầm định lấy từ danh mục khách hàng (nhà cung cấp).

- **Sửa tỷ giá ghi sổ (đối với loại chứng từ số 2)**

Xử lý để sửa tỷ giá ghi sổ của công nợ. Có thể sửa tỷ giá ghi sổ đã được tính tự động bởi chương trình bằng tỷ giá tùy ý. Khi tính tỷ giá cuối tháng, chương trình sẽ không cập nhật lại tỷ giá tính được cho những chứng từ này.

Nếu tài khoản đối ứng là tài khoản công nợ gốc ngoại tệ thì tỷ giá ghi sổ cuối tháng của tài khoản sẽ loại phiếu này ra khi tính toán

3.3.3 Màn hình nhập liệu phiếu thu- loại chứng từ 3

Xem phiếu thu

Mã khách	CCAG-001	Công ty Da giày An Giang	Số phiếu thu	77
Địa chỉ	149 Hương Lộ 2, Quận 12, TP. HCM		Ngày lập	15/11/2011
Người nộp tiền			Ngày hạch toán	15/11/2011
Lý do nộp	Thu tiền của các đại lý công ty An Giang		Tỷ giá	VND 1.00000
Loại phiếu thu	3	Thu của các khách hàng	Trạng thái	2. Chuyển số có <input type="checkbox"/>
Tài khoản nợ	11120	Tiền mặt VND		

Chi tiết | Thanh toán | Chứng từ gốc

Tk có	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách hàng	Tiền	
13111-A	Phải thu ngắn hạn khách hàng: hoạt động SXKD	0025	Khách hàng 0025	8 850 000.00	1h
13111-A	Phải thu ngắn hạn khách hàng: hoạt động SXKD	0028	Khách hàng 0028	3 500 000.00	

Theo dõi thanh toán Sửa tỷ giá ghi số Tên 12 350 000.00

Mới Sửa Đóng

Giải thích chi tiết các trường phiếu thu- loại chứng từ 3



Trường hợp thu cho nhiều khách cũng giống như trường hợp loại phiếu thu cho một khách. Điểm khác biệt ở đây là ở mỗi dòng chi tiết hạch toán có thể nhập các mã khách khác nhau. Ngoài ra, đối với các phát sinh ngoại tệ mà dùng loại chứng từ này thì chương trình chỉ ghi nhận và hạch toán theo tỷ giá giao dịch, không tạo chênh lệch tỷ giá.

Một số thao tác khi cập nhật chứng từ loại 3

- **Kết nhập dữ liệu từ tệp bảng tính (chi tiết từng chứng từ)**

Chương trình cho phép đưa dữ liệu từ bảng tính vào chương trình để tiết kiệm thời gian nhập liệu ban đầu cho người dùng.

Quy trình thực hiện như sau:

- Vào chứng từ;
- Nhấn biểu tượng , chương trình sẽ tải tệp mẫu để người dùng chuyển dữ liệu vào tệp này;
- Sau khi đã đổ dữ liệu vào tệp bảng tính, để đưa dữ liệu này vào chương trình, nhấn biểu tượng , chọn tệp bảng tính, chương trình sẽ tải dữ liệu từ tệp mẫu vào chi tiết của phiếu.

Chương trình sẽ báo lỗi trong 1 số trường hợp sau:

- Dữ liệu các cột chứa mã các đối tượng liên quan không có trong các danh mục hiện có (khách hàng, tài khoản, vụ việc...), trong trường hợp này, chương trình vẫn mang dữ liệu vào màn hình chi tiết nhưng

khi lưu sẽ cảnh báo "Trường xxx chưa nhập hoặc giá trị nhập không hợp lệ", người dùng phải chỉnh sửa trước khi lưu;

- Dữ liệu chuỗi dài quá độ rộng cho phép.

Ghi chú khác

- Chương trình chỉ hỗ trợ chuyển dữ liệu chi tiết của từng phiếu, dùng trong trường hợp thường xuyên nhập những bút toán định kỳ tương tự nhau;

- Nếu không có quyền "Mới", không thể chuyển thêm dữ liệu chưa có trong chi tiết;

- Nếu không có quyền "Sửa", không thể sửa dữ liệu đã có trong chi tiết;

- Các trường tên trong danh mục, người dùng không cần nhập, chương trình sẽ tự cập nhật lại.

3.3.4 Phần thông tin thanh toán

Thông tin thanh toán dùng để cập nhật "Mã thanh toán", "Số chứng từ", "Ngày chứng từ" trong trường hợp sử dụng loại phiếu thu 2 và có chọn "Theo dõi thanh toán". Các thông tin này sẽ được lưu lại trong chi tiết thanh toán và xử lý thanh toán tương đương như hóa đơn công nợ.

3.3.5 Phần thông tin chứng từ gốc



Phần thông tin chứng từ gốc dùng để lưu các thông tin số lượng chứng từ kèm theo và ghi chú các chứng từ, thông tin này dùng để in chứng từ.

3.3.6 Một số thao tác khi cập nhật chứng từ

- **Kết nhập dữ liệu từ tệp excel (hàng loạt) (loại chứng từ 2,3,9)**

Chương trình cho phép đưa dữ liệu từ bảng tính vào chương trình để tiết kiệm thời gian nhập liệu ban đầu cho người dùng.

Quy trình thực hiện như sau:

- Vào phiếu thu tiền mặt;
- Nhấn biểu tượng , chương trình sẽ tải tệp mẫu để người dùng chuyển dữ liệu vào tệp này;
- Sau khi đã đổ dữ liệu vào tệp bảng tính, để đưa dữ liệu này vào chương trình, nhấn biểu tượng , chọn tệp bảng tính, chương trình sẽ tải dữ liệu từ tệp mẫu.

Ghi chú về cách nhập các cột dữ liệu của tệp mẫu:

- *Tài khoản nợ, Tài khoản có, Mã khách: Tài khoản phải là tài khoản chi tiết;*
- *Số chứng từ: Cho phép nhập dạng chuỗi, độ dài tối đa 12 ký tự;*
- *Ngày chứng từ: Định dạng theo kiểu ngày tháng. Ngày khóa sổ tổng, khóa sổ theo chứng từ trước ngày chứng từ nhập vào;*
- *Loại chứng từ: Chương trình chỉ hỗ trợ cho các phiếu thu loại 2, 3, 9;*

- Tiền: Nhập kiểu số, độ dài tối đa 14 số và 2 số lẻ (theo chuẩn chương trình);

- Mã khách, Tk có, Vụ việc, Bộ phận, Lsx, Sản phẩm, Hợp đồng, Phí, Khế ước: Nhập các mã tồn tại trong danh mục tương ứng, độ dài tương ứng với cách nhập trong màn hình thêm mới (sửa) danh mục.

Chương trình sẽ thông báo lỗi trong 1 số trường hợp sau:

- Dữ liệu cột chứa mã khách hàng, tài khoản không có trong các danh mục tài khoản hoặc tài khoản tổng hợp. Trong trường hợp này, chương trình sẽ chỉ rõ địa chỉ ô không hợp lệ;

- Các trường hợp buộc nhập số liệu không được để trống (số chứng từ, ngày chứng từ...);

- Dữ liệu chuỗi dài quá độ rộng cho phép, độ rộng tương tự như nhập thủ công.

Ghi chú khác:

- Khi đã khóa số liệu hệ thống hoặc khóa số liệu theo chứng từ (có ngày khóa sau ngày bắt đầu nhập liệu) thì không thể chuyển dữ liệu;

- Người dùng phải có quyền "Mới" trong chức năng "Phiếu thu tiền mặt";

- Chỉ kiểm tra trùng chứng từ (nếu tồn tại số chứng từ), không kiểm tra chi tiết theo các tham số khác trong danh mục chứng từ;

- Muốn cập nhật chi tiết nhiều dòng cho một chứng từ, thì người dùng nhập liệu nhiều dòng trong bảng tính có cùng số chứng từ và ngày chứng từ, trong trường hợp đó, chương trình sẽ kết nhập thành một chứng từ tương ứng;

- Chương trình chỉ hỗ trợ kết nhập cho đồng tiền hạch toán, không hỗ trợ cho đồng tiền ngoại tệ;

- Chương trình chỉ hỗ trợ kết nhập với trạng thái "Lập chứng từ", người dùng sẽ chuyển vào các sổ liên quan bằng cách sửa chứng từ đã kết nhập;

- Các trường tên trong danh mục, người dùng không cần nhập, chương trình sẽ tự cập nhật lại;

- Không hỗ trợ các tệp bảng tính chứa macro;

- Bảng tính có phiên bản 2007 trở lên.

Chi tiết các thao tác làm việc với chứng từ đề nghị xem thêm "Những hướng dẫn chung về cập nhật các chứng từ"

3.4 Phiếu chi tiền mặt

3.4.1 Màn hình nhập liệu phiếu chi - loại chứng từ 1

Loại chứng từ 1- “Chi chi tiết theo hoá đơn” sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp có theo dõi việc thanh toán công nợ chi tiết theo từng hóa đơn và bộ phận kế toán tiền mặt tiền gửi kiêm luôn chức năng theo dõi việc thanh toán chi tiết theo từng hóa đơn từ phiếu chi. Khi chi tiền chi tiết theo hóa đơn ta phải chỉ rõ là chi tiền cho hóa đơn nào. Trong trường hợp chi tiền cho nhiều hóa đơn thì phải tách số tiền ra theo từng hóa đơn.

Để tìm hóa đơn cần thanh toán, nhấn tổ hợp phím "Ctrl+Insert" hoặc nhấn nút " " - "Mới" để tạo một dòng chi tiết mới. Sau đó nhập số hóa đơn hoặc nhấn nút tìm kiếm.

Xem phiếu chi

Mã khách: VNM Công ty sữa Vinamilk Số phiếu chi: 155
Địa chỉ: 152 Nguyễn Đình Chiểu, P.10, Q.3 Ngày lập: 11/11/2011
Người nhận tiền: Nguyễn Văn Tú Ngày hạch toán: 11/11/2011
Lý do chi: Thanh toán tiền hàng theo hóa đơn 1552 ngày 05/10/2011 Tỷ giá: VND 1.00000
Loại phiếu chi: 1 Thanh toán chi tiết theo hóa đơn Tỷ giá cơ: 1.00000
Tài khoản có: 11123 Tiền mặt VND Trạng thái: 2. Chuyển số cái

Chi tiết: Thuế Thanh toán Chứng từ gốc

Số hóa đơn	Ngày hóa...	Tiền trên hóa...	Đã thanh toán	Còn phải thanh...	Tk nợ	Tiền	Tl
1552	05/10/2011	319 000 000.00	200 000 000.00	119 000 000.00	331112U	10 000 000.00	

Theo dõi thanh toán
 Sửa tỷ giá ghi số

Tiền: 10 000 000.00
Tiền thuế: 0.00
Lợng thanh toán: 10 000 000.00

Mới Sửa Đóng

Giải thích chi tiết các trường phiếu chi - loại chứng từ 1

- **Số HĐ**

Số của các hóa đơn mà khách hàng chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán hết. Số hóa đơn sẽ được lấy từ danh sách các hóa đơn chưa tất toán của nhà cung cấp.

- **Ngày HĐ**

Ngày của hóa đơn.

- **Tài khoản có**

Mã số của tài khoản ghi nợ trong định khoản hóa đơn công nợ phải trả. Tài khoản ghi trên hóa đơn tự động trả về và không nhập được trên phiếu chi.

- **Tiền/TiềnNT**

Thanh toán trong lần hiện tại theo đồng tiền giao dịch của phiếu chi.

- **TT qui đổi**

Nếu đồng tiền giao dịch của phiếu chi khác với đồng tiền giao dịch của hóa đơn thì chương trình sẽ cho phép cập nhật trường này để nhập số tiền qui đổi ra đồng tiền giao dịch của hóa đơn. Ngược lại, nếu đồng tiền giao dịch của phiếu chi giống với đồng tiền giao dịch của hóa đơn thì chương trình sẽ không cho cập nhật trường này.

Lưu ý:

- Trong trường hợp sử dụng mã tiền tệ khác mã tiền tệ hạch toán, cần nhập "TiềnNT" hoặc "Quy đổi" để lưu giá trị nguyên tệ trên sổ cái, tiền hạch toán sẽ nhập vào trường "Tiền";
- Trong trường hợp sử dụng mã tiền tệ cùng mã tiền tệ hạch toán, cần nhập tiền hạch toán vào trường "Tiền", giá trị nguyên tệ vào "Quy đổi".

Ví dụ:

01. Hóa đơn 100 USD, tỷ giá 20.000/USD, thanh toán 2.000.000 VND: nhập quy đổi = 100USD, tiền = 2.000.000,

02. Hóa đơn 100 USD, tỷ giá 20.000/USD, thanh toán 100 USD: nhập tiềnNT = 100, quy đổi = 100, Tiền = 2.000.000

03. Hóa đơn 1.000.000 VND, thanh toán 1.000.000 VND: Nhập trường tiền 1.000.000

04. Hóa đơn 1.100.000 VND, tỷ giá 20.000/USD, thanh toán bằng 50 USD: nhập tiềnNT = 50, quy đổi = 1.000.000, Tiền = 1.100.000

- **Diễn giải**

Diễn giải về nội dung phát sinh. Diễn giải được ghi và làm ghi chú trong sổ cái.

- **Vụ việc/Phí**

Vụ việc/Phí có liên quan (nếu có quản lý nghiệp vụ theo vụ việc/phí).

Lưu ý:

Trong trường hợp sử dụng loại chứng từ bằng 2 ta cũng có thể phân bổ số tiền đã chi cho từng hóa đơn nhưng việc phân bổ được thực hiện ở phân hệ kế toán công nợ phải trả. Chương trình sẽ liệt kê những phiếu chi đã chi trong phân hệ tiền mặt, tiền gửi và các hóa đơn liên quan đến khách hàng hiện thời chưa tắt toán để ta thực hiện phân bổ số tiền chi cho các hóa đơn tương ứng.

3.4.2 Màn hình nhập liệu phiếu chi- loại chứng từ 2

Xem phiếu chi

Mã khách	PP.KI1005	Cty TNHH TM DV Tân Thanh Đình	Số phiếu chi	441
Địa chỉ			Ngày lập	11/11/2011
Người nhận tiền			Ngày hạch toán	11/11/2011
Lý do chi	Thanh toán tiền dịch vụ vệ sinh tháng 10/2011		Tỷ giá	VND 1.00000
Loại phiếu chi	?	Chi cho khách hàng	Tỷ giá gs	1.00000
Tài khoản có	11123	Tiền mặt VND	Trạng thái	2. Chuyển số có

Chi tiết | Thuế | Thanh toán | Chứng từ gốc

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải
13111-A	Phải thu ngắn hạn khách hàng: hoạt động SXKD	12 000 000.00	Thanh toán tiền dịch vụ vệ sinh tháng 10

Theo dõi thanh toán Sửa tỷ giá ghi số

Tiền	12 000 000.00
Tiền thuế	0.00
Tổng thanh toán	12 000 000.00

Mới Sửa Đóng

Giải thích chi tiết các trường - loại chứng từ 2 - Phần thông tin chung

- **Mã khách**

Đối tượng chi tiền. Nếu phiếu chi có liên quan đến thanh toán công nợ thì mã khách sẽ là mã nhà cung cấp, nhân viên hoặc khách hàng. Khi đó, khoản chi này sẽ được ghi vào các sổ chi tiết công nợ của mã đối tượng công nợ. Trong những trường hợp chi thẳng như mua hàng hóa dịch vụ trả tiền ngay, mã khách chỉ là thông tin tham khảo hoặc có thể được dùng cho các bảng kê chứng từ thuế GTGT sau này. Mã khách được chọn nhập từ danh mục khách hàng, nhà cung cấp.

- **Địa chỉ/Người nhận tiền**

Thông tin tham khảo thêm trong giấy báo nợ.

Địa chỉ/Người nhận tiền được trả về tự động theo mã khách đã chọn ở trên nếu mã khách có khai báo trường "Đối tác" và có thể nhập lại.

Trường này được khai báo sử dụng hay không sử dụng trong "Khai báo các màn hình nhập chứng từ".

- **Lý do chi**

Thông tin tham khảo thêm trong phiếu chi.

- **Tài khoản có**

Tài khoản ghi có, thông thường là tài khoản tiền mặt.

- **Loại phiếu chi**

Loại phiếu chi. Tùy theo tính chất nghiệp vụ sẽ dùng các loại phiếu chi khác nhau. Có các loại phiếu chi sau:

- 1- "Chi tiết theo hóa đơn";

- 2- “Chi cho khách hàng”: sử dụng trong trường hợp bộ phận kế toán tiền mặt tiền gửi chỉ thực hiện chi cho đối tượng công nợ theo số duyệt. Việc phân bổ thanh toán công nợ chi tiết theo từng hóa đơn (nếu có) được thực hiện ở bộ phận xử lý công nợ chuyên biệt.
- 3- “Chi cho các khách hàng”: sử dụng trong trường hợp chi cho một đối tượng đại diện nhận tiền nhưng phải theo dõi công nợ trên nhiều đối tượng công nợ khác.
- 5- “Chi ngoại tệ tỷ giá ghi sổ sử dụng pp trung bình”: sử dụng trong trường hợp nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ có tính tỷ giá ghi sổ theo phương pháp trung bình tháng.
- 9- “Chi khác”: sử dụng trong trường hợp chi thanh toán thẳng. Loại này được sử dụng phổ biến nhất.

Liên quan cách ứng dụng chênh lệch tỷ giá trong việc chọn lựa loại phiếu chi loại 2 hay 5, cần lưu ý:

- Chọn loại 2: khi cần tỷ giá ghi sổ ngay tại thời điểm lập chứng từ và in với tỷ giá tính được;
- Chọn loại 5: tỷ giá ghi sổ cập nhật tại thời điểm tính tỷ giá, tỷ giá in khi lập chứng từ và in sẽ tạm tính theo tỷ giá giao dịch.

Trong các chứng từ thu chi, tỷ giá ghi sổ các tài khoản gốc ngoại tệ sẽ được áp lại chứng từ và tạo chênh lệch nếu có, công thức tính toán để nghị xem thêm “Những hướng dẫn khác về phân hệ vốn bằng tiền”.

• **Số pc / Ngày lập / Ngày hạch toán**

Thông tin về số phiếu chi, số phiếu chi được chương trình tự động đánh tăng lên 1 khi nhập chứng từ mới nhưng người sử dụng được sửa lại. Nếu có sử dụng quyền chứng từ thì sẽ cho phép chọn trong quyền. Ngày lập pc chỉ để tham khảo chứ không dùng trong tính toán. Khi tính toán thì chương trình sẽ dùng ngày hạch toán. Ngày hạch toán phải lớn hơn ngày đã khóa sổ.

• **Mã ngoại tệ / Tỷ giá gs/ Tỷ giá**

Mã của loại tiền giao dịch của chứng từ hiện thời. Mã ngoại tệ chọn nhập từ danh mục tiền tệ.

Tỷ giá ghi sổ được tự động tính theo phương pháp chọn trước trong danh mục tài khoản. Trong trường hợp mã ngoại tệ là đồng hạch toán, tỷ giá ghi sổ sẽ là 1.

Chú ý:

Trường tỷ giá và tỷ giá ghi sổ sẽ chuyển đổi vị trí cho nhau (vị trí hiệu lực và vô hiệu) trong từng loại chứng từ cụ thể:

- Loại 1/2/5: Nhập tỷ giá ghi sổ;
- Loại 3/9: Nhập tỷ giá.

• **Trạng thái**

Trạng thái của chứng từ. Có 3 trạng thái:

- Lập chứng từ: Chưa chuyển vào bất kỳ sổ sách nào;
- Chuyển KTTH: Nếu có chứng từ thuế VAT thì hóa đơn sẽ chuyển vào sổ sách, báo cáo thuế. Nếu là chứng từ liên quan thanh toán theo hóa đơn, sẽ được chuyển vào sổ công nợ chi tiết theo hóa đơn;
- Đã chuyển vào sổ cái: ghi vào tất cả sổ sách liên quan.

Nếu chứng từ chưa chuyển vào sổ cái, sẽ không thể xem trên các sổ sách hoặc báo cáo tài chính

- **Theo dõi t. toán**

Xử lý đối với các khoản chi cho vay, tạm ứng như là hoá đơn (thuộc phân hệ kế toán phải thu). Phục vụ lên các báo cáo phân tích tuổi nợ, báo cáo chi tiết thanh toán theo từng khoản cho vay, tạm ứng.

Chương trình ngầm định gán số chứng từ, ngày hạch toán ở phần thông tin chung vào các trường số chứng từ, ngày chứng từ tương ứng trong phần “Thanh toán” và được phép sửa lại. Riêng trường “Mã thanh toán” thì được ngầm định lấy từ danh mục khách hàng (nhà cung cấp).

- **Sửa tỷ giá ghi sổ**

Xử lý để sửa tỷ giá ghi sổ của tài khoản tiền. Có thể sửa tỷ giá ghi sổ đã được tính tự động bởi chương trình bằng tỷ giá tùy ý. Khi tính tỷ giá cuối tháng, chương trình sẽ không cập nhật lại tỷ giá tính được cho những chứng từ này.

Nếu tài khoản đối ứng là tài khoản công nợ gốc ngoại tệ thì tỷ giá ghi sổ cuối tháng của cả 2 tài khoản sẽ loại phiếu này ra khi tính toán

- **Tiền**

Số phát sinh theo đồng tiền hạch toán. Nếu đồng tiền giao dịch là đồng tiền hạch toán thì không hiện trường này. Trường này bằng số tiền ngoại tệ nhân với tỷ giá quy đổi nhưng được phép sửa.

- **Thuế**

Tiền thuế theo đồng tiền hạch toán. Tiền thuế (theo đồng tiền hạch toán) = Tiền hàng (theo đồng tiền hạch toán) * Thuế suất tương ứng với mã thuế được nhập. Nếu muốn thì người sử dụng có thể sửa lại tiền thuế này. Nếu đồng tiền giao dịch là đồng tiền hạch toán thì không hiện trường này.

- **Thanh toán**

Tổng thanh toán theo đồng tiền hạch toán. Tùy theo cách tính thuế mà tổng thanh toán sẽ được tính bằng những công thức khác nhau

- **Trạng thái**

Trạng thái của chứng từ. Có 3 trạng thái:

- Lập chứng từ: Chưa chuyển vào bất kỳ sổ sách nào;
- Chuyển KTTH: Nếu có chứng từ thuế VAT thì hóa đơn sẽ chuyển vào sổ sách, báo cáo thuế. Nếu là chứng từ liên quan thanh toán theo hóa đơn, sẽ được chuyển vào sổ công nợ chi tiết theo hóa đơn;
- Đã chuyển vào sổ cái: ghi vào tất cả sổ sách liên quan.

Giải thích chi tiết các trường - loại chứng từ 2 - Phần thông tin chi tiết

- **Tài khoản nợ**

Mã số của tài khoản ghi nợ trong định khoản nghiệp vụ phát sinh. Tài khoản nợ được chọn trong danh mục tài khoản.

- **Diễn giải**

Diễn giải về nội dung phát sinh. Dòng diễn giải này sẽ được chuyển vào sổ cái.

- **Tiền (ngoại tệ xxx)**

xxx - mã đồng tiền giao dịch. Số phát sinh theo đồng tiền giao dịch. Trong trường hợp ngoại tệ, tiền sẽ được tính toán theo công thức [tiền xxx * tỷ giá]. Tuy nhiên nếu số tiền thực tế của giao dịch [xxx * tỷ giá] thì có thể nhập trực tiếp giá trị trường tiền. Có thể nhập số âm.

Trong loại phiếu chi số 2 cần nhập tỷ giá ghi sổ (chương trình sẽ tính tức thời đến thời điểm nhập chứng từ)

- **Vụ việc**

Nếu cần chi theo các vụ việc thì cần chọn nhập từ trường này.

3.4.3 Màn hình nhập liệu phiếu chi- loại chứng từ 5

Xem phiếu chi
🖨️ 📄

Mã khách	PP.KH002	Cty TNHH SX TM DV Lạc Hồng	Số phiếu chi	555
Địa chỉ	205 Nguyễn Văn Thủ		Ngày lập	12/11/2011
Người nhận tiền			Ngày hạch toán	12/11/2011
Lý do chi			Tỷ giá gs	JPY 9 000.00000
Loại phiếu chi	5	Chi ngoại tệ tggs sử dụng pp trung bình	Tỷ giá	1.00000
Tài khoản có	1112_JPY	Tiền mặt Yên Nhật	Trạng thái	2. Chuyển số cái

Chi tiết

Thuế

Thanh toán

Chứng từ gốc

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền nl	Diễn giải	Tiền
13111-B	Phải thu ngắn hạn khách hàng: hoạt động SXKD	1 700.00		15 300 000.00

Theo dõi thanh toán
 Sửa tỷ giá ghi sổ

	Tiền	1 700.00	15 300 000.00
	Tiền thuế	0.00	0.00
	Tổng thanh toán	1 700.00	15 300 000.00

Giải thích chi tiết các trường - loại chứng từ 5

Tương tự màn hình loại chứng từ 2, nhưng không cần nhập tỷ giá ghi sổ ngay, tỷ giá sẽ được cập nhật định kỳ khi tính tỷ giá ghi sổ.

3.4.4 Màn hình nhập liệu phiếu chi- loại chứng từ 9

Xem phiếu chi

Mã khách	CCLH-001	Công ty Lệ Hoa	Số phiếu chi	556
Địa chỉ	142 Phùng Hưng		Ngày lập	16/11/2011
Người nhận tiền			Ngày hạch toán	16/11/2011
Lý do chi	Thanh toán chi phí vận chuyển tiền hàng		Tỷ giá	VND 1.00000
Loại phiếu chi	9	Chi khác	Tỷ giá gq	1.00000
Tài khoản có	11120	Tiền mặt VND	Trạng thái	2. Chuyển số cái

Chi tiết Thuế Thanh toán Chứng từ gốc

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải	Vụ việc	Độ phận	Lsx
641-PP	Chi phí bán hàng	1 700 000.00	Thanh toán chi phí v			

Theo dõi thanh toán
 Sửa tỷ giá ghi số

Tiền	1 700 000.00
Tiền thuế	170 000.00
Tổng thanh toán	1 870 000.00

Mới Sửa Đóng

Giải thích chi tiết các trường - loại chứng từ 9

Tương tự màn hình loại chứng từ 2, nhưng cần nhập thêm thông tin thuế. Phần thông tin chứa các chứng từ thuế GTGT

- **Mẫu bc**

Dùng để lọc khi lên các báo cáo thuế ở phân hệ báo cáo thuế. Bao gồm các loại sau:

- 3- Hoá đơn giá trị gia tăng;
- 4- Hàng hoá, dịch vụ mua vào không có hoá đơn;
- 5- Hoá đơn bán hàng thông thường.

- **Mã tính chất**

Tính chất thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào theo qui định. Dùng để phân loại khi lên báo cáo "Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào (mẫu 01-2/GTGT)".

Bao gồm các tính chất sau:

- 1- Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT, đã phát sinh doanh thu;
- 2- Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD không chịu thuế GTGT;
- 3- Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT;
- 4- Hàng hoá, dịch vụ dùng cho TSCĐ chưa phát sinh doanh thu được khấu trừ dần theo quý;

- 5- Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp khi lên tờ khai 01/GTGT.
- **Mẫu hóa đơn**

Trường "Mẫu hóa đơn" ngầm định lấy từ tham số tùy chọn, cho phép sửa lại.
Chương trình sẽ xét thứ tự ưu tiên để kết xuất lên cột "Ký hiệu mẫu hóa đơn" của báo cáo thuế:

 - Nếu trường "Mẫu hóa đơn" có cập nhật, chương trình sẽ ngầm định dùng trường này để lên báo cáo thuế;
 - Nếu trường "Mẫu hóa đơn" không cập nhật, chương trình sẽ ngầm định dùng tham số "Ký hiệu mẫu số hóa đơn đầu vào ngầm định" trong tham số tùy chọn;
 - Nếu tham số "Ký hiệu mẫu số hóa đơn đầu vào ngầm định" trong tham số tùy chọn không khai báo, chương trình sẽ không thể hiện trên báo cáo.
- **Số hoá đơn/ Số seri**

Số hóa đơn và số seri hóa đơn của nhà cung cấp.
- **Ngày hoá đơn**

Ngày ghi trên hóa đơn của nhà cung cấp.
- **Mã khách thuế**

Mã của nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Ngầm định mã này sẽ là mã khách của phiếu chi nhưng có thể sửa lại được. Mã được chọn trong danh mục khách hàng. Sau khi nhập mã chương trình sẽ cập nhật các trường tên, địa chỉ, mã số thuế của nhà cung cấp.

Trường này có thể bỏ qua trong trường hợp ta muốn tự nhập tên, địa chỉ, mã số thuế của nhà cung cấp. Việc tự nhập các trường này thường sử dụng trong trường hợp nhà cung cấp lẻ.
- **Tên khách hàng thuế**

Tên của nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Nếu không có mã thuế, có thể nhập trực tiếp.
- **Mã số thuế**

Mã số thuế của nhà cung cấp.
- **Hàng hóa, dịch vụ**

Tên (nhóm) hàng hóa, dịch vụ mua vào.
- **Mã thuế / Thuế suất**

Mã thuế thuế GTGT. Mã thuế được chọn từ danh mục thuế suất. Sau khi nhập mã thuế chương trình sẽ xác định thuế suất và tài khoản thuế được khai báo trong danh mục mã thuế.
- **Thuế (ngoại tệ xxx)**

Tiền thuế theo đồng tiền giao dịch. Tiền thuế được xác định dựa vào thuế suất và loại hóa đơn. Có thể sửa lại tiền thuế này theo ý chủ quan của người nhập liệu.
- **Cục thuế**

Mã của cục thuế nơi doanh nghiệp báo cáo phần thuế được khấu trừ này. Mã của cục thuế được chọn trong danh mục khách hàng.

Trường hợp này được sử dụng trong trường hợp phải theo dõi nhiều cục thuế khác nhau. Trường hợp này thường xảy ra đối với các đơn vị xây lắp có các khế ước trả rộng trên địa bàn nhiều tỉnh.

- **Tiền hàng**

Tổng thanh toán theo đồng tiền giao dịch.

Lưu ý:

- Trong trường hợp sử dụng loại chứng từ bằng 2 ta cũng có thể phân bổ số tiền đã chi cho từng hóa đơn nhưng việc phân bổ được thực hiện ở phân hệ kế toán công nợ phải trả. Chương trình sẽ liệt kê những phiếu chi đã chi trong phân hệ tiền mặt, tiền gửi và các đơn liên quan đến khách hàng hiện thời chưa tất toán để ta thực hiện phân bổ số tiền chi cho các hóa đơn tương ứng.

3.4.5 Màn hình nhập liệu phiếu chi- loại chứng từ 3

Giải thích thông tin các trường - loại chứng từ 3



Trường hợp chi cho nhiều khách cũng giống như trường hợp loại phiếu chi cho một khách. Điểm khác biệt ở đây là ở mỗi dòng chi tiết hạch toán có thể nhập các mã khách khác nhau. Ngoài ra, đối với các phát sinh ngoại tệ mà dùng loại chứng từ này thì chương trình chỉ ghi nhận và hạch toán theo tỷ giá giao dịch, không tạo chênh lệch tỷ giá.

Một số thao tác khi cập nhật chứng từ loại 3

- **Kết nhập dữ liệu từ tệp bảng tính (chi tiết từng chứng từ)**

Chương trình cho phép đưa dữ liệu từ bảng tính vào chương trình để tiết kiệm thời gian nhập liệu ban đầu cho người dùng.

Quy trình thực hiện như sau:

- Vào chứng từ;
- Nhấn biểu tượng , chương trình sẽ tải tệp mẫu để người dùng chuyển dữ liệu vào tệp này;
- Sau khi đã đổ dữ liệu vào tệp bảng tính, để đưa dữ liệu này vào chương trình, nhấn biểu tượng , chọn tệp bảng tính, chương trình sẽ tải dữ liệu từ tệp mẫu vào chi tiết của phiếu.

Chương trình sẽ báo lỗi trong 1 số trường hợp sau:

- Dữ liệu các cột chứa mã các đối tượng liên quan không có trong các danh mục hiện có (khách hàng, tài khoản, vụ việc...), trong trường hợp này, chương trình vẫn mang dữ liệu vào màn hình chi tiết nhưng khi lưu sẽ cảnh báo "Trường xxx chưa nhập hoặc giá trị nhập không hợp lệ", người dùng phải chỉnh sửa trước khi lưu;
- Dữ liệu chuỗi dài quá độ rộng cho phép.

Ghi chú khác

- Chương trình chỉ hỗ trợ chuyển dữ liệu chi tiết của từng phiếu, dùng trong trường hợp thường xuyên nhập những bút toán định kỳ tương tự nhau;
- Nếu không có quyền "Mới", không thể chuyển thêm dữ liệu chưa có trong chi tiết;
- Nếu không có quyền "Sửa", không thể sửa dữ liệu đã có trong chi tiết;
- Các trường tên trong danh mục, người dùng không cần nhập, chương trình sẽ tự cập nhật lại.

3.4.6 Phân thông tin thanh toán

Thông tin thanh toán dùng để cập nhật "Mã thanh toán", "Số chứng từ", "Ngày chứng từ" trong trường hợp sử dụng loại phiếu chi 2 và có chọn "Theo dõi thanh toán".

Các thông tin này sẽ được lưu lại trong chi tiết thanh toán và xử lý thanh toán tương đương như hóa đơn công nợ.

3.4.7 Phân thông tin chứng từ gốc


Phân thông tin chứng từ gốc dùng để lưu các thông tin số lượng chứng từ kèm theo và ghi chú các chứng từ, thông tin này dùng để in chứng từ.


3.4.8 Một số thao tác khi cập nhật chứng từ

- **Kết nhập dữ liệu từ tệp excel (hàng loạt) (loại chứng từ 2,3,9)**

Chương trình cho phép đưa dữ liệu từ bảng tính vào chương trình để tiết kiệm thời gian nhập liệu ban đầu cho người dùng.

Quy trình thực hiện như sau:

- Vào Phiếu chi;
- Nhấn biểu tượng , chương trình sẽ tải tệp mẫu để người dùng chuyển dữ liệu vào tệp này;

- Sau khi đã đổ dữ liệu vào tệp bảng tính, để đưa dữ liệu này vào chương trình, nhấn biểu tượng , chọn tệp bảng tính, chương trình sẽ tải dữ liệu từ tệp mẫu.

Ghi chú về cách nhập các cột dữ liệu của tệp mẫu:

- Tài khoản nợ, Tài khoản có, Mã khách: Tài khoản phải là tài khoản chi tiết;

- Số chứng từ: Cho phép nhập dạng chuỗi, độ dài tối đa 12 ký tự;

- Ngày chứng từ : Định dạng theo kiểu ngày tháng. Ngày khóa sổ tổng, khóa sổ theo chứng từ trước ngày chứng từ nhập vào;

- Loại chứng từ: Chương trình chỉ hỗ trợ cho các phiếu chi loại 2, 3, 9;

- Tiền: Nhập kiểu số, độ dài tối đa 14 số và 2 số lẻ (theo chuẩn chương trình);

- Mã khách, Tk có, Vụ việc, Bộ phận, Lsx, Sản phẩm, Hợp đồng, Phí, Khế ước: Nhập các mã tồn tại trong danh mục tương ứng, độ dài tương ứng với cách nhập trong màn hình thêm mới (sửa) danh mục;

Chương trình sẽ thông báo lỗi trong 1 số trường hợp sau:

- Dữ liệu cột chứa mã khách hàng, tài khoản không có trong các danh mục tài khoản hoặc tài khoản tổng hợp. Trong trường hợp này, chương trình sẽ chỉ rõ địa chỉ ô không hợp lệ;

- Các trường hợp buộc nhập số liệu không được để trống (đơn vị, số chứng từ, ngày chứng từ...);

- Dữ liệu chuỗi dài quá độ rộng cho phép, độ rộng tương tự như nhập thủ công;

- Dữ liệu của phiếu chi loại 2 không có ngăn thông tin thuế, vì thế chương trình sẽ báo lỗi khi người dùng nhập các trường thông tin thuế trong tệp bảng tính;

- Trường hợp khai báo tham số "Kiểm tra trùng hóa đơn trên các phiếu có thuế giá trị gia tăng đầu vào" là "Có", nếu trùng ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn và ngày hóa đơn với dữ liệu thuế giá trị gia tăng đầu vào đã có trong hệ thống, chương trình sẽ cảnh báo không cho kết nhập.

Ghi chú khác:

- Khi đã khóa số liệu hệ thống hoặc khóa số liệu theo chứng từ (có ngày khóa sau ngày bắt đầu nhập liệu) thì không thể chuyển dữ liệu;

- Người dùng phải có quyền "Mới" trong chức năng "Phiếu chi tiền mặt";

- Chỉ kiểm tra trùng chứng từ (nếu tồn tại số chứng từ), không kiểm tra chi tiết theo các tham số khác trong danh mục chứng từ;

- Muốn cập nhật chi tiết nhiều dòng cho một chứng từ, thì người dùng nhập liệu nhiều dòng trong bảng tính có cùng số chứng từ và ngày chứng từ, trong trường hợp đó, chương trình sẽ kết nhập thành một chứng từ tương ứng;

- Chương trình không hỗ trợ nhập một chi tiết hàng hóa, dịch vụ với nhiều hóa đơn thuế giá trị gia tăng đầu vào, chỉ có thể nhập thủ công hoặc điều chỉnh sau khi kết nhập;

- Chương trình chỉ hỗ trợ kết nhập cho đồng tiền hạch toán, không hỗ trợ cho đồng tiền ngoại tệ;

- Chương trình chỉ hỗ trợ kết nhập với trạng thái “Lập chứng từ”, người dùng sẽ chuyển vào các sổ liên quan bằng cách sửa chứng từ đã kết nhập;

- Các trường tên trong danh mục, người dùng không cần nhập, chương trình sẽ tự cập nhật lại;

- Không hỗ trợ các tệp bảng tính chứa macro;

- Bảng tính có phiên bản 2007 trở lên.

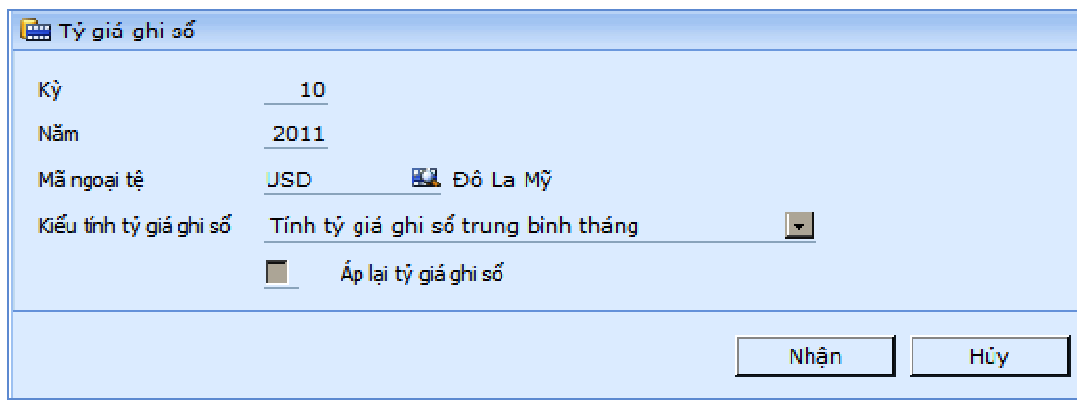
Trong các chứng từ thu chi, tỷ giá ghi sổ các tài khoản gốc ngoại tệ sẽ được áp lại chứng từ, công thức tính toán để nghị xem thêm “Những hướng dẫn khác về phân hệ vốn bằng tiền”.

Chi tiết các thao tác làm việc với chứng từ đề nghị xem thêm “Những hướng dẫn chung về cập nhật các chứng từ”

4 Các xử lý định kỳ

4.1 Tính tỷ giá ghi sổ

Chương trình cho phép tính lại tỷ giá ghi sổ theo các phương pháp trung bình tháng, trung bình di động, nhập trước xuất trước vào cuối kỳ và tạo lại chênh lệch tỷ giá cho các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ.



Giải thích các trường thông tin:

- **Kỳ / Năm**

Kỳ/năm cần tính tỷ giá ghi sổ và tạo chênh lệch.

- **Mã ngoại tệ**

Mã ngoại tệ cần tính tỷ giá ghi sổ

- **Kiểu tính tỷ giá ghi sổ**

Có các tùy chọn:

- Tính tỷ giá ghi sổ: tính tỷ giá ghi sổ theo phương pháp trung bình tháng cho các tài khoản có gốc ngoại tệ”;

- Áp tỷ giá ghi sổ cho các chứng từ có phát sinh gốc ngoại tệ trong tháng và thực hiện các bút toán chênh lệch tương ứng từng chứng từ”;
- Xóa tỷ giá ghi sổ: Xóa tỷ giá ghi sổ và hủy các bút toán chênh lệch tương ứng.
- **Áp lại tỷ giá ghi sổ**

Nếu chọn vào trường thông tin này thì các chứng từ trong kỳ đã được tính tỷ giá ghi sổ và tạo chênh lệch tỷ giá ngay khi nhập liệu (tính toán tạm) sẽ được tính lại tỷ giá ghi sổ và tạo lại chênh lệch tỷ giá.

Nếu không chọn vào trường thông tin này thì chỉ đối với các chứng từ chưa được tính tỷ giá ghi sổ theo phương pháp trung bình tháng và chưa được tạo chênh lệch tỷ giá ngay khi nhập liệu sẽ được tính và tạo chênh lệch tỷ giá tương ứng cho từng chứng từ phát sinh trong kỳ.

Chi tiết về lập luận tính giá cuối kỳ, xem thêm "Những hướng dẫn khác về phân hệ vốn bằng tiền"

4.2 Kết chuyển số dư kế ước sang năm sau

Chương trình cho phép chuyển số dư sang một năm mới mà không bắt buộc phải khóa sổ năm cũ và có thể kết chuyển lại nếu có sự sửa đổi số liệu của năm cũ. Sau khi vào chức năng kết chuyển số dư kế ước sang năm sau, chọn năm mà số dư cuối năm đó sẽ được chuyển sang đầu năm sau. Chương trình sẽ tự động hiện năm nhận số liệu của năm trước chuyển sang.

Để tiếp tục thực hiện chức năng này chọn nút lệnh "Nhận", nếu không chọn nút lệnh "Hủy".

5 Các hướng dẫn khác

5.1 Xử lý hạch toán trùng liên quan tới tiền mặt và tiền gửi ngân hàng

Phân loại các nghiệp vụ phát sinh có hạch toán trùng

Trong nhiều trường hợp, một nghiệp vụ kế toán phát sinh có thể 02 chứng từ với hạch toán trùng nhau. Dưới đây là một số nghiệp vụ thường gặp:

- Nghiệp vụ nộp tiền mặt vào ngân hàng: có phiếu chi tiền mặt và giấy báo có của ngân hàng.
- Nghiệp vụ rút tiền từ ngân hàng nhập quỹ: có giấy báo nợ của ngân hàng và phiếu thu tiền mặt.
- Nghiệp vụ chuyển tiền từ ngân hàng A sang ngân hàng B: có giấy báo nợ của ngân hàng A và giấy báo có của ngân hàng B.
- Nghiệp vụ mua vật tư, hàng hoá trả bằng tiền mặt: có phiếu chi tiền mặt và phiếu nhập vật tư, hàng hoá.

- Nghiệp vụ bán hàng thu ngay bằng tiền mặt: có hoá đơn bán hàng và phiếu thu tiền mặt

Trong mỗi trường hợp ví dụ nêu trên hai chứng từ đều có sơ đồ hạch toán trùng nhau nhưng do hai kế toán viên khác nhau theo dõi và chúng có thể chứa các thông tin khác nhau.

Ví dụ như bán hàng thu tiền ngay thì hoá đơn bán hàng do kế toán tiêu thụ thực hiện và có các thông tin về lượng, đơn giá, trị giá hàng hoá còn phiếu thu tiền do kế toán tiền mặt thực hiện và chỉ có thông tin về tổng giá trị hàng bán ra.

Chính vì vậy cần phải có quy trình rõ ràng về cập nhật và xử lý chứng từ trên máy. Nếu xem xét kỹ các phát sinh có hạch toán trùng thì ta có thể phân loại chúng thành các nhóm sau:

- **Các phát sinh liên quan đồng thời tới tiền mặt và tiền gửi ngân hàng**
 - 1- Nộp tiền mặt vào ngân hàng
 - 2- Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ
 - 3- Chuyển tiền giữa các ngân hàng
 - 4- Mua ngoại tệ
 - 5- Bán ngoại tệ.
- **Các phát sinh liên quan đến mua bán hàng hoá, vật tư thanh toán ngay bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng**
 - 1- Mua hàng, vật tư thanh toán ngay bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
 - 2- Bán hàng, vật tư thanh toán ngay bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.
- **Các phát sinh liên quan thanh toán tiền tạm ứng mua hàng hoá, vật tư**
 - Thanh toán tạm ứng mua hàng hoá, vật tư
- **Các phát sinh liên quan đến cung cấp dịch vụ thu tiền ngay**
 - Cung cấp dịch vụ thu tiền ngay (khách sạn, nhà hàng, du lịch...).

Xử lý hạch toán trùng giữa tiền mặt và tiền gửi ngân hàng

- **Phương án 1: chỉ nhập 1 chứng từ - phiếu chi hoặc chứng từ ngân hàng**

Trong trường hợp có hạch toán trùng liên quan đồng thời tới tiền mặt và tiền gửi ngân hàng thì chỉ cập nhật một trong 02 chứng từ phát sinh. Việc lựa chọn chứng từ để cập nhật vào máy theo trình tự ưu tiên như sau:

- Chứng từ ngoại tệ ưu tiên hơn so với chứng từ VNĐ.
- Chứng từ tiền mặt ưu tiên hơn so với chứng từ tiền gửi ngân hàng.
- Trong trường hợp chuyển tiền giữa 02 ngân hàng thì giấy báo nợ (chi) được ưu tiên hơn so với giấy báo có (thu).

Theo trình tự ưu tiên này thì chứng từ được lựa chọn để cập nhật trong các trường hợp thường xảy ra trên thực tế sẽ như sau:

Nghiệp vụ	Chứng từ 1	Chứng từ 2	Chứng từ cập nhật
Mua ngoại tệ của ngân hàng	Giấy báo nợ tiền VNĐ của ngân hàng	Giấy báo có tiền NT của ngân hàng	Giấy báo có tiền NT của ngân hàng
Mua tiền mặt n.tệ	Phiếu chi tiền VNĐ	Phiếu thu tiền NT	Phiếu thu tiền NT
Bán ngoại tệ cho ngân hàng	Giấy báo nợ tiền NT của ngân hàng	Giấy báo có tiền VNĐ của ngân hàng	Giấy báo nợ tiền NT của ngân hàng
Bán tiền mặt n.tệ	Phiếu chi tiền NT	Phiếu thu tiền VNĐ	Phiếu chi tiền NT
Nộp tiền mặt vào ngân hàng	Phiếu chi tiền mặt	Giấy báo có của ngân hàng	Phiếu chi tiền mặt
Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ	Giấy báo nợ của ngân hàng	Phiếu thu tiền mặt	Phiếu thu tiền mặt
Chuyển tiền giữa 02 ngân hàng	Giấy báo nợ của ngân hàng A	Giấy báo có của ngân hàng B	Giấy báo nợ của ngân hàng A

- **Phương án 2: nhập cả 2 chứng từ thông qua tài khoản trung gian - tiền đang chuyển**

Nếu ta muốn nhập cả 2 chứng từ thì phải hạch toán qua tài khoản trung gian - 113 - tiền đang chuyển. Tuy nhiên, cách này làm cho phát sinh của tài khoản tiền đang chuyển tăng lên.

Xử lý hạch toán trùng liên quan đến mua bán vật tư thanh toán ngay

Trong các trường hợp liên quan đến tiền và vật tư như trong các trường hợp mua bán vật tư thanh toán bằng tiền mặt do chứng từ tiền và chứng từ vật tư chứa các thông tin khác nhau nên dưới đây sẽ trình bày các phương án khác nhau cho việc cập nhật các chứng từ này. Việc chọn phương án nào để sử dụng phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của từng doanh nghiệp.

- **Phương án 1: Cập nhật cả 02 chứng từ nhưng chứng từ liên quan đến vật tư không hạch toán**

Theo phương án này thì cả 02 chứng từ đều được cập nhật nhưng riêng đối với chứng từ liên quan đến vật tư thì không được thực hiện nợ/có mà chỉ vào các thông tin phục vụ quản lý kho hàng, vật tư. Còn khi lên các báo cáo liên quan đến hạch toán thì thông tin được lấy từ chứng từ thu chi.

- **Phương án 2: Hạch toán qua tài khoản công nợ**

Theo phương án này thì mặc dù việc mua bán được thanh toán ngay nhưng hạch toán như trường hợp mua bán trả chậm. Theo phương án này thì cả 02 chứng từ thu chi và vật tư đều được cập nhật. Đây là phương án đơn giản hơn cả nhưng có nhược điểm khi ta nhìn vào hạch toán sẽ không biết là mua bán trả chậm hay thanh toán ngay.

Xử lý hạch toán trùng liên quan đến cung cấp dịch vụ thu tiền ngay

Trong trường hợp cung cấp dịch vụ thu tiền ngay (khách sạn, nhà hàng, du lịch...) sẽ xuất hiện 2 chứng từ: hóa đơn bán hàng và phiếu thu tiền mặt. Có 3 phương án cập nhật chứng từ trong trường hợp này.

- **Phương án 1: Cập nhật cả 2 chứng từ - hạch toán qua tài khoản công nợ**

Cả 2 chứng từ đều được cập nhật thông qua tài khoản công nợ phải thu.

- **Phương án 2: Cập nhật cả 2 chứng từ - hạch toán qua tài khoản tiền mặt**



Thông tin về hóa đơn bán hàng sẽ được chuyển sang phần bảng kê hóa đơn thuế GTGT đầu ra.

Thông tin về phiếu thu tiền mặt sẽ được chuyển sang kế toán tổng hợp để lên sổ sách và báo cáo kế toán.

5.2 Chênh lệch tỷ giá liên quan tới tiền mặt và tiền gửi ngân hàng

Khai báo loại chênh lệch tỷ giá cho tài khoản ngoại tệ

Nếu tài khoản thuộc loại tài khoản gốc ngoại tệ, trong danh mục tài khoản phải khai báo mã ngoại tệ khác mã của đồng tiền hạch toán. Khi đó, chương trình sẽ yêu cầu khai báo thêm về phương pháp tính tỷ giá ghi sổ nhằm làm căn cứ để tạo chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ. Chương trình cho phép khai báo phương pháp tính tỷ giá ghi sổ khác nhau cho mỗi tài khoản có gốc ngoại tệ.

Sửa tài khoản	
Tài khoản	1112
Tên tài khoản	Tiền mặt ngoại tệ
Tên khác	FC cash
Tên ngân	
Tên ngân khác	
Tài khoản mẹ	111  Tiền mặt
Mã nt	USD  Đô La Mỹ
Tk theo dõi công nợ	0 1 - Theo dõi công nợ, 0 - Không theo dõi công nợ
Tài khoản sổ cái	0 1 - Tk sổ cái, 0 - Không phải tài khoản sổ cái
Pp tính tggs nợ	Không tính chênh lệch <input type="button" value="v"/>
Pp tính tggs có	Trung bình tháng <input type="button" value="v"/>
Trạng thái	1 1 - Còn sử dụng, 0 - Không còn sử dụng

Một số giải thích về phương pháp tính tỷ giá ghi sổ:

- **Phương pháp tggs nợ**

Dùng để khai báo phương pháp tính tỷ giá ghi sổ cho các tài khoản nguồn vốn có gốc ngoại tệ.

- **Phương pháp tggs có**

Dùng để khai báo phương pháp tính tỷ giá ghi sổ cho các tài khoản tài sản có gốc ngoại tệ.

- **Phương pháp tính tggs = 0 – Không tính chênh lệch**

Mọi nghiệp vụ phát sinh trong kỳ liên quan đến ngoại tệ, người dùng tự xác định và nhập vào. Chương trình không tự động tính toán tỷ giá ghi sổ, mà chỉ hỗ trợ tạo chênh lệch tỷ giá (nếu có).

- **Phương pháp tính tggs = 1 – Trung bình tháng**

Theo phương pháp này, căn cứ để tính tỷ giá ghi sổ là số dư đầu tháng và tất cả các phát sinh trong tháng của các đối tượng cần tính tỷ giá ghi sổ.

Các đối tượng cần tính tỷ giá ghi sổ bao gồm: “Tài khoản – mã ngoại tệ”, “Tài khoản – mã ngoại tệ – khách hàng (nhà cung cấp)”. Các phát sinh trong tháng liên quan đến việc ghi giảm các đối tượng trên sẽ có cùng một tỷ giá ghi sổ do chương trình tự động tính toán và tự động tạo chênh lệch tỷ giá (nếu có) theo qui định.

- **Phương pháp tính tggs = 2 – Đích danh**

Theo phương pháp này thì người dùng sẽ tự xác định tỷ giá ghi sổ cho các đối tượng cần tính và cập nhập vào chương trình cho các chứng từ phát sinh. Chương trình căn cứ vào tỷ giá ghi sổ đích danh này để tự động tạo chênh lệch tỷ giá (nếu có) theo qui định.





- **Phương pháp tính tggs = 3 – Nhập trước xuất trước**

Theo phương pháp này, những tỷ giá trên chứng từ nào có ngày hạch toán trước thì sẽ được chương trình ưu tiên tính tỷ giá ghi sổ trước và tự động tạo chênh lệch tỷ giá (nếu có) theo qui định.

- **Phương pháp tính tggs = 4 – Trung bình di động**

Tương tự như phương pháp trung bình tháng, chỉ khác là trung bình theo ngày.

Khai báo tài khoản chênh lệch tỷ giá cho mã ngoại tệ

Sửa ngoại tệ	
Mã ngoại tệ	USD
Tên ngoại tệ	Đô La Mỹ
Tên khác	US Dollar
Tk phát sinh d nợ	6351  Chênh lệch lỗ tỷ giá phát sinh trong kỳ
Tk phát sinh d có	5152  Chênh lệch lãi tỷ giá phát sinh trong kỳ
Tk đánh giá d nợ	4131  Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm
Tk đánh giá d có	4131  Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm
Đọc tiền: [1]__[2].[3]__[4][5]	
Số lẻ	3
	[1] [2] [3] [4] [5]
Cách đọc	đô la và xen chẵn
Cách đọc khác	In USD Dollar(s) and Cent(s) Only
Trạng thái	1 1 - Còn sử dụng, 0 - Không còn sử dụng
<input type="button" value="Lưu"/> <input type="button" value="Hủy"/>	

Cần phải khai báo trước tài khoản sẽ được hạch toán nếu phát sinh chênh lệch tỷ giá. Chương trình cho phép khai báo tài khoản lãi lỗ chênh lệch tỷ giá khác nhau trong mỗi loại ngoại tệ.

Ứng dụng phương pháp trung bình tháng trong chương trình

- **Phạm vi ứng dụng:**

Phương pháp này chỉ ứng dụng trong các phát sinh thu, chi ngoại tệ loại 1 – “Thanh toán chi tiết theo hoá đơn” và loại 5 – “Thanh toán ngoại tệ tính TGGS theo PP trung bình tháng” (tức thanh toán theo khách hàng/nhà cung cấp) và các chứng từ ngoại tệ khác (nếu có).

- **Công thức tính toán:**

Nếu gọi (i) là mã ngoại tệ, (j) là tài khoản và (k) là mã đối tượng công nợ thì công thức tổng quát của tỷ giá ghi sổ trung bình là:

Đối tượng tính tỷ giá ghi sổ là “Tài khoản - mã ngoại tệ”:

$$\frac{[\text{Dư đầu kỳ VND}_{ij} + \text{Phát sinh tăng VND}_{ij} - \text{Phát sinh giảm đích danh VND}_{ij}]}{[\text{Dư đầu kỳ NT}_{ij} + \text{Phát sinh tăng NT}_{ij} - \text{Phát sinh giảm đích danh NT}_{ij}]}$$

Đối tượng tính tỷ giá ghi sổ là “Tài khoản - mã ngoại tệ - khách hàng (nhà cung cấp)”:

$$\frac{[\text{Dư đầu kỳ VND}_{ijk} + \text{Phát sinh tăng VND}_{ijk} - \text{Phát sinh giảm đích danh VND}_{ijk}]}{[\text{Dư đầu kỳ NT}_{ijk} + \text{Phát sinh tăng NT}_{ijk} - \text{Phát sinh giảm đích danh NT}_{ijk}]}$$

Trong công thức trên, các khoản phát sinh giảm “đích danh” được xác định như sau:

- Các phát sinh thu/chi loại 1 - “Thanh toán chi tiết theo hóa đơn”;
 - Các phát sinh thu/chi loại 2 - “Thanh toán ngoại tệ tính TGGS theo PP trung bình tháng” chọn vào ô “Sửa tỷ giá ghi sổ”;
 - Các phát sinh thu/chi loại 5 - “Thanh toán ngoại tệ tính TGGS theo PP trung bình tháng” có chọn vào ô “Sửa tỷ giá ghi sổ”;
 - Các chứng từ chênh lệch lỗ tỷ giá cuối tháng (mã chứng từ PK6) do đánh giá số dư (bên nợ tài khoản vốn hoặc bên có tài khoản tài sản - do tính TGGS trung bình tháng theo phương án cuối tháng tạo chứng từ chênh lệch).
 - Trường hợp chứng từ bút toán đảo chênh lệch tỷ giá đầu mỗi kỳ.
- **Nhập liệu trong kỳ:**
 - Cập nhật các phiếu thu (giấy báo có) loại 1: nhập vào tỷ giá ngày giao dịch ở phần thông tin chung. Tỷ giá ngày giao dịch là tỷ giá bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước công bố hoặc là tỷ giá giao dịch thực tế với các ngân hàng trong các nghiệp vụ mua/bán ngoại tệ (nếu có).
 - Cập nhật các phiếu chi (giấy báo nợ) loại 2: không nhập vào bất kỳ tỷ giá gì, để chương trình tự tính.
 - Cập nhật các phiếu chi (giấy báo nợ) loại 5: nhập vào tỷ giá ngày giao dịch ở phần thông tin chung.
 - Cập nhật các chứng từ ngoại tệ khác liên quan (nếu có): nhập vào tỷ giá ngày giao dịch ở phần thông tin chung.

Đối với các phát sinh thu loại 1, chương trình sẽ tự động tạo chênh lệch tỷ giá sau khi so sánh tỷ giá giao dịch ở phần thông tin chung và tỷ giá của hoá đơn.

Đối với các phát sinh chi loại 2, chương trình sẽ tự động tính tỷ giá ghi sổ tạm tính đến thời điểm thanh toán ở phần thông tin chung và tạo chênh lệch tỷ giá tạm sau khi so sánh với tỷ giá của chi tiết đối ứng. Đối với các phát sinh thu, chi loại 5, chương trình không tạo chênh lệch tỷ

giá ngay. Cuối kỳ, sau khi chạy chức năng “Tính tỷ giá ghi sổ” thì mới được tạo chênh lệch.

Lưu ý:

Đối với các phát sinh thu, chi loại 1, 5 nếu muốn nhập tỷ giá ghi sổ đích danh (tức không muốn chương trình tự động tính lại tỷ giá ghi sổ) thì kích vào ô “Sửa tỷ giá ghi sổ”.

- **Xử lý cuối kỳ**

Cuối kỳ chạy chức năng “Tính tỷ giá ghi sổ” thuộc phần “Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng/ Cập nhật số liệu”.

- Chạy lần 1: điều kiện lọc có kích chọn vào ô “Áp lại tỷ giá ghi sổ” để chương trình tính toán lại chênh lệch cho các phát sinh thu, chi loại 1.
- Chạy lần 2: điều kiện lọc để trống tại ô “Áp lại tỷ giá ghi sổ” để chương trình tính toán tỷ giá ghi sổ và tạo chênh lệch cho các phát sinh thu, chi loại 5 và các chứng từ ngoại tệ khác (nếu có).

Lưu ý:

Trường hợp thu trước tiền hàng từ khách hàng hoặc ứng trước tiền hàng cho nhà cung cấp thì phải dùng loại 5, ghi nhận theo tỷ giá ngày giao dịch và kích vào ô “Sửa tỷ giá ghi sổ”

Nhập liệu tương tự như trên cho các nghiệp vụ khác như: chuyển tiền giữa các tài khoản ngân hàng, rút tiền về quỹ, nộp tiền vào ngân hàng, ký quỹ,...

Ứng dụng phương pháp trung bình di động trong chương trình

Lập luận tương tự như phương pháp trung bình tháng. Tuy nhiên có các điểm khác biệt là:

- Giá trung bình được tính đến trước từng phiếu chi thay vì lũy kế đến cuối tháng;
- Việc tạo chênh lệch nếu có chỉ là chứng từ cuối tháng thay vì cho từng chứng từ

Ứng dụng phương pháp nhập trước xuất trước trong chương trình

- **Phạm vi ứng dụng:**

Phương pháp này chỉ ứng dụng trong các phát sinh thu, chi ngoại tệ loại 1 – “Thanh toán chi tiết theo hoá đơn”, loại 2 – “Thanh toán theo khách hàng/nhà cung cấp” và loại 9 – “Thanh toán khác”.

- **Công thức tính toán:**

Tỷ giá nào nhập trước thì sẽ ưu tiên tính tỷ giá ghi sổ trước khi xuất. Trường hợp số lượng ngoại tệ xuất ra lớn, cần nhiều phiếu nhập tham gia thì tỷ giá ghi sổ được tính bằng cách bình quân gia quyền của các phiếu nhập.

- **Nhập liệu trong kỳ:**

- Cập nhật các phiếu thu (giấy báo có) loại 1, 2, 9: nhập vào tỷ giá ngày giao dịch ở phần thông tin chung. Trường tỷ giá ghi sổ ở phần thông tin chi tiết (nếu có) thì không nhập để chương trình tự tính
- Cập nhật các phiếu chi (giấy báo nợ) loại 1, 2: không nhập vào bất kỳ tỷ giá gì, để chương trình tự tính.
- Cập nhật các phiếu chi (giấy báo nợ) loại 9: nhập vào tỷ giá giao dịch ở phần thông tin chung tại trường “TGGD”, còn tại trường “TGGS” không nhập để chương trình tự tính.

Đối với phương pháp này, chương trình sẽ tự động tính tỷ giá ghi sổ và tạo chênh lệch tỷ giá ngay. Tuy nhiên, cuối kỳ vẫn cần phải chạy chức năng tính lại tỷ giá ghi sổ và tạo lại chênh lệch tỷ giá để số liệu được chính xác.

Lưu ý:

Đối với các phát sinh thu, chi loại 1, 2, 9 nếu muốn nhập tỷ giá ghi sổ đích danh (tức không muốn chương trình tự động tính lại tỷ giá ghi sổ) thì kích vào ô "Sửa tỷ giá ghi sổ".

Tuy nhiên, trong phương pháp nhập trước xuất trước **ên hạn chế sử dụng tỷ giá đích danh** vì thuật toán áp dụng trong chương trình sẽ lấy tỷ giá chứng từ (tăng) gần nhất sau đó nhân với tổng phát sinh giảm để được tổng tiền nhu cầu. Số tiền còn lại sẽ tính vào phiếu mới nhất.

Điều này dẫn đến trường hợp ví dụ nếu phiếu chi đích danh có tỷ giá quá lớn, tiền nguyên tệ cũng lớn; bên cạnh đó nếu phiếu chi gần nhất có tiền nguyên tệ nhỏ, kết quả là số tiền còn lại quá nhỏ hoặc thậm chí có thể âm. Xem ví dụ bên dưới để thấy rõ hơn về vấn đề này.

Ví dụ về hạn chế sử dụng tỷ giá đích danh trong phương pháp nhập trước xuất trước.
Phiếu thu 1 1.000\$ 20.000.000

Tỷ giá và giá trị phiếu chi 1 $100\$ * 20.000 = 2.500.000$ (đích danh)

Tỷ giá và giá trị phiếu chi 2 $1\$ = ((100+1) * 20.000 - 2.500.000) / (101-100) = -480.000 / 1 = -480.000$

Trong trường hợp này tỷ giá đã bị âm.

- **Xử lý cuối kỳ**

Cuối kỳ chạy chức năng "Tính tỷ giá ghi sổ" thuộc phần "Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng/ Cập nhật số liệu". Chạy 1 lần và điều kiện lọc phải có kích chọn vào ô "Áp lại tỷ giá ghi sổ".

Lưu ý:

Trường hợp thu trước tiền hàng từ khách hàng hoặc ứng trước tiền hàng cho nhà cung cấp thì phải dùng loại 2, ghi nhận theo tỷ giá ngày giao dịch (ở cả phần thông tin chung và thông tin chi tiết) và kích vào ô "Sửa tỷ giá ghi sổ".

Nhập liệu tương tự như trên cho các nghiệp vụ khác như: chuyển tiền giữa các tài khoản ngân hàng, rút tiền về quỹ, nộp tiền vào ngân hàng, ký quỹ,...

Ứng dụng phương pháp đích danh trong chương trình

- **Phạm vi ứng dụng:**

Phương pháp này chỉ ứng dụng trong các phát sinh thu, chi ngoại tệ loại 1 – "Thanh toán chi tiết theo hoá đơn", loại 2 – "Thanh toán theo khách hàng/nhà cung cấp" và loại 9 – "Thanh toán khác".

- **Công thức tính toán:**

Người dùng tự tính tỷ giá ghi sổ và nhập vào chương trình. Tỷ giá ghi sổ này được hiểu là tỷ giá ghi sổ đích danh và sẽ không được tính toán lại. Căn cứ vào tỷ giá ghi sổ này chương trình sẽ tự động tạo chênh lệch tỷ giá (nếu có) theo qui định.

- **Nhập liệu trong kỳ:**

- Cập nhật các phiếu thu (giấy báo có) loại 1, 2, 9: nhập vào tỷ giá ngày giao dịch ở phần thông tin chung. Trường tỷ giá ghi sổ ở phần thông tin chi tiết (nếu có) thì người dùng tự xác định và nhập vào.
- Cập nhật các phiếu chi (giấy báo nợ) loại 1: người dùng tự xác định tỷ giá ghi sổ của tài khoản tiền và nhập vào ở phần thông tin chung.

- Cập nhật các phiếu chi (giấy báo nợ) loại 2: người dùng tự xác định tỷ giá ghi sổ của tài khoản tiền và tài khoản công nợ và nhập vào tương ứng ở phần thông tin chung và thông tin chi tiết.
- Cập nhật các phiếu chi (giấy báo nợ) loại 9: nhập vào tỷ giá ngày giao dịch ở phần thông tin chung tại trường "TGGD", còn tại trường "TGGs" (tỷ giá ghi sổ của tài khoản tiền) thì người dùng tự xác định và nhập vào.

Đối với phương pháp này, chương trình sẽ tự động tạo chênh lệch tỷ giá ngay.